



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

14

Tháng 7 - 2015

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ VIII (NHIỆM KỲ 2015 - 2020) CỦA ĐẢNG BỘ BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Đại hội



Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 – 2020 ra mắt Đại hội

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU**

14

SỐ 14- 7/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn nhà ở công vụ 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 7
- Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao 8

Văn bản của địa phương

- Hà Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 10
- An Giang ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh 12
- Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn thành phố 13
- Thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND Thành phố quy định về xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn Thành phố 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠM

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LÝ

Khoa học công nghệ xây dựng

| | |
|---|----|
| - Nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học của Viện Khoa học công nghệ xây dựng | 17 |
| - Bộ Xây dựng nghiệm thu 03 đề tài của Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam | 18 |
| - Nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị (AMC) | 20 |
| - Nghiệm thu các đề tài của Công ty CP Tư vấn công nghệ, thiết bị & kiểm định xây dựng (CONINCO) | 21 |
| - Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 23 |
| - Hội nghị Thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng Chiến khu Cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030 | 24 |
| - Thiết kế cấp nước nóng năng lượng mặt trời cho các tòa nhà | 26 |
| - Vật liệu trang trí bền vững | 28 |

Thông tin

| | |
|--|----|
| - Đại hội Đại biểu lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) của Đảng bộ Bộ Xây dựng | 31 |
| - Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam | 33 |
| - Hội nghị công bố Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng | 34 |
| - Thứ trưởng Phạm Hồng Hà làm việc với Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị | 36 |
| - Hội thảo góp ý kiến nghị sửa đổi, thay thế Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ | 37 |
| - Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến 2035, tầm nhìn 2050 | 38 |
| - Quá khứ không thể bị lãng quên | 40 |
| - Trung Quốc sử dụng “khái niệm thấp cacbon” để hoàn thiện mô hình đô thị hóa | 44 |
| - Tình hình kiểm soát giá thuê nhà tăng tại các thành phố lớn của CHLB Đức | 46 |

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn nhà ở công vụ

Ngày 10/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg quy định về tiêu chuẩn nhà ở công vụ, bao gồm: Tiêu chuẩn diện tích sử dụng và định mức trang bị nội thất nhà ở công vụ.

Về thiết kế nhà công vụ, Quy định này quy định: Đối với nhà biệt thự, được thiết kế theo kiểu biệt thự đơn lập hoặc biệt thự song lập, chiều cao tối đa không quá 3 tầng, diện tích đất khuôn viên biệt thự không nhỏ hơn 350 m² và không lớn hơn 500 m²; đối với căn hộ chung cư tại khu vực đô thị, được thiết kế kiểu căn hộ khép kín, diện tích sử dụng mỗi căn hộ không nhỏ hơn 25 m² và không lớn hơn 160 m²; đối với căn nhà khu vực nông thôn, được thiết kế theo kiểu căn nhà kiểu khép kín, diện tích sử dụng mỗi căn nhà không nhỏ hơn 25 m² và không lớn hơn 90 m². Nhà ở công vụ được thiết kế theo tiêu chuẩn diện tích sử dụng phù hợp với từng nhóm đối tượng (chức danh). Diện tích sử dụng nhà ở công vụ được quy định cụ thể như sau: Biệt thự loại A diện tích đất là 450 - 500 m², tổng diện tích sử dụng là 300 - 350 m²; biệt thự loại B diện tích đất là 350 - 400 m², tổng diện tích sử dụng là 250 - 300 m²; căn hộ chung cư khu vực đô thị từ loại 1 đến loại 5 tổng diện tích sử dụng lần lượt là 140 - 160 m², 100 - 115 m², 80 - 90 m², 60 - 70 m², 25 - 45 m²; căn nhà khu vực nông thôn từ loại 1 đến loại 4 tổng diện tích sử dụng lần lượt là 80 - 90 m², 55 - 65 m², 40 - 45 m², 25 - 35 m².

Đối tượng và điều kiện được thuê nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật Nhà ở năm 2014. Biệt thự loại A được bố trí cho các Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Biệt thự loại B được bố trí cho các chức danh có hệ

số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên, trừ các chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này. Căn hộ chung cư loại 1 được bố trí cho các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên đến 10,4. Căn hộ chung cư loại 2 được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên; Trung tướng, Thiếu tướng trong các lực lượng vũ trang, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các chức danh tương đương. Căn hộ chung cư loại 3 tại khu vực đô thị hoặc căn nhà loại 1 tại khu vực nông thôn được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,3, chuyên viên cao cấp (A3), giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương đến công tác tại khu vực nông thôn xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo, Đại tá, Thượng tá, Trung tá trong các lực lượng vũ trang, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các chức danh tương đương. Căn hộ chung cư loại 4 tại khu vực đô thị hoặc căn nhà loại 2 tại khu vực nông thôn được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,2 đến dưới 0,7, chuyên viên chính (A2), giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương đến công tác tại khu vực nông thôn xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo, Thiếu tá, Đại úy trong các lực lượng vũ trang. Căn hộ chung cư loại 5 tại khu vực đô thị hoặc căn nhà loại 3 tại khu vực nông thôn được bố trí cho các

chức danh chuyên viên (A0, A1) hoặc chức danh tương đương, Chủ tịch HĐND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã, giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương đến công tác tại khu vực nông thôn xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo, sĩ quan từ Thiếu úy đến Thượng úy trong các lực lượng vũ trang, quân nhân chuyên nghiệp. Căn nhà loại 4 tại khu vực nông thôn được bố trí cho các chức danh công chức loại B, C, quân nhân chuyên nghiệp, giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế có chức danh tương đương đến công tác tại khu vực nông thôn xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo.

Theo Quy định này, nguyên tắc trang bị nội thất nhà ở công vụ là thực hiện trang bị nội thất cơ bản nhà ở công vụ đối với trường hợp mua nhà (căn hộ) chưa có trang thiết bị nội thất để bố trí làm nhà ở công vụ. Đối với nhà (căn hộ) khi mua đã có trang thiết bị nội thất thì không được trang bị thay thế đối với những máy móc, thiết bị rời không gắn với nhà ở công vụ (ví dụ như máy giặt, tủ lạnh và các thiết bị khác) và chỉ được trang bị bổ sung những trang thiết bị còn thiếu hoặc chưa đồng bộ theo thiết kế phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 5 Quy định này. Thiết bị, vật dụng nội thất nhà ở công vụ được trang bị phải có niên hạn sử dụng tối thiểu 5 năm. Trang bị nội thất biệt thự, căn hộ chung cư bố trí làm nhà ở công vụ tại khu vực đô thị bao gồm: Bộ bàn ghế và kệ tivi phòng khách, máy điều hòa nhiệt độ các phòng, bộ bàn ghế phòng ăn, tủ lạnh, tủ bếp (đồng bộ), bộ bếp và máy hút mùi, tủ đứng, giường, đệm, máy giặt, bình nóng lạnh, 1 bộ bàn ghế làm việc. Định mức kinh phí tối đa trang bị nội thất cơ bản cho biệt thự, căn hộ chung cư tại khu vực đô thị nêu trên được quy định như sau: Loại căn hộ công vụ có 1 phòng ngủ, 1 phòng khách (tương ứng với căn hộ loại 4 và loại 5) 120 triệu đồng; loại căn hộ công vụ

có 2 phòng ngủ, 1 phòng khách (tương ứng với căn hộ loại 2 và loại 3) 160 triệu đồng; loại căn hộ công vụ có 3 phòng ngủ, 1 phòng khách (tương ứng với căn hộ loại 1) 200 triệu đồng; đối với căn biệt thự có 4 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng làm việc 250 triệu đồng.

Trang bị nội thất đối với căn nhà bố trí làm nhà ở công vụ tại khu vực nông thôn bao gồm: Bộ bàn ghế và kệ tivi phòng khách, máy điều hòa nhiệt độ các phòng, bộ bàn ghế phòng ăn (nếu có), tủ lạnh, tủ bếp, bếp, tủ đứng, giường, đệm, máy giặt, bình nóng lạnh. Đối với những nơi chưa có điện lưới thì chưa bố trí các thiết bị sử dụng điện. Định mức kinh phí tối đa trang bị nội thất đối với căn nhà khu vực nông thôn nêu trên được quy định như sau: Đối với căn nhà thiết kế khép kín có chung phòng ngủ và phòng khách (tương ứng với căn hộ loại 4) 75 triệu đồng; đối với căn nhà thiết kế khép kín có 1 phòng ngủ, 1 phòng khách riêng biệt (tương ứng với căn hộ loại 2 và loại 3) 90 triệu đồng; đối với căn nhà thiết kế khép kín có 2 phòng ngủ, 1 phòng khách riêng biệt (tương ứng với căn hộ loại 1) 120 triệu đồng.

Việc lựa chọn trang thiết bị nội thất để trang bị phải phù hợp với công năng, diện tích, không gian của từng phòng trong căn hộ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Khi giá trang thiết bị nội thất cơ bản trên thị trường có biến động (tăng hoặc giảm) trên 20% so với định mức kinh phí tối đa quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 5 thì việc điều chỉnh định mức kinh phí được thực hiện như sau: Đối với dự án đầu tư nhà ở công vụ của các cơ quan Trung ương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), Bộ Xây dựng thống nhất với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đối với dự án đầu tư nhà ở công vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất với Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đối với dự án đầu tư nhà ở công vụ của địa phương, Sở Xây dựng thống nhất với Sở Tài chính báo cáo

UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định. Việc sử dụng kinh phí để mua sắm trang thiết bị nội thất cơ bản của nhà ở công vụ phải được lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp người thuê nhà ở công vụ thuộc các nhóm chức danh quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 4 của Quyết định này mà ở cùng gia đình thì được cộng thêm diện tích sử dụng của từng thành viên trong gia đình (6 m² sử dụng/ người). Trường hợp một người đồng thời đảm nhận nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn nhà ở công vụ theo chức danh cao nhất. Trường hợp do không đủ loại nhà ở công vụ để

bố trí theo tiêu chuẩn, căn cứ vào quỹ nhà ở công vụ hiện có, cơ quan quản lý nhà ở công vụ xem xét việc bố trí cho thuê; người thuê nhà ở công vụ phải trả tiền thuê (bằng giá thuê được quy định tại Điều 33 của Luật Nhà ở năm 2014 nhân với diện tích sử dụng được ghi trong Hợp đồng thuê nhà ở công vụ), kể cả khi diện tích sử dụng thực tế nhà ở công vụ vượt quá tiêu chuẩn hoặc thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/8/2015.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2025

Ngày 03/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1021/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 với mục tiêu: Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của Khu di tích lịch sử Đền Hùng; tổ chức các hạng mục công trình xây dựng mới để tạo lập các không gian tưởng niệm, tôn vinh các vua Hùng và các bậc tiền nhân thời đại Hùng Vương; xác định chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất cho khu vực di tích, khu dân cư và khu vực cảnh quan xung quanh, tổ chức hệ thống hạ tầng phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và tôn tạo khu di tích; định hướng kế hoạch tổng thể quản lý và đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Hùng; làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai lập và quản lý quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng.

Theo Quyết định này, nội dung và yêu cầu nghiên cứu của Nhiệm vụ Quy hoạch bao gồm:

Đánh giá hiện trạng quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực quy hoạch, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển Khu di tích lịch sử Đền Hùng đến năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 48/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004, những khó khăn, hạn chế trong việc lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết, tiến độ lập các nhóm dự án thành phần; xác định cấu trúc quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan trên cơ sở kế thừa các nội dung đã thực hiện theo Quy hoạch phát triển Khu di tích lịch sử Đền Hùng đến năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 48/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004; xác định danh mục các công trình, di tích cần nghiên cứu, khảo sát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hệ thống các di tích; đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật khu vực nghiên cứu, tình trạng giao thông, nguồn nước và cấp nước, nước thải và vệ sinh môi trường, cấp điện và thông tin liên lạc; phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các dự án đầu

tư theo Quy hoạch phát triển Khu di tích lịch sử Đền Hùng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 48/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004; phân tích đề xuất việc điều chỉnh phạm vi của quy hoạch; dự báo phát triển và xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khu vực quy hoạch, các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch phù hợp với yêu cầu về bảo tồn, trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Các định hướng phát triển của khu di tích bao gồm: Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích, khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực đã xây dựng và khu vực xây dựng mới; định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Phương hướng chung đối với bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch, danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích, nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững. Định hướng tổ chức không gian, phân khu chức năng, các hạng mục công trình kiến trúc xây dựng mới, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng, định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích. Dự báo tác động môi trường, đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích.

Thành phần hồ sơ "Quy hoạch bảo tồn và

phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2025" thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác về xây dựng. Trong đó, phần bản vẽ bao gồm: Bản đồ vị trí di tích trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỉ lệ 1/5.000; bản đồ mối liên hệ vùng tỉ lệ 1/10.000 - 1/25.000; bản đồ hiện trạng tổng hợp về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và đánh giá quỹ đất xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực (đã được phê duyệt và còn hiệu lực) tỉ lệ 1/2.000; bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan tỉ lệ 1/2.000; bản đồ xác định các khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích, bản đồ xác định khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích tỉ lệ 1/2.000; bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1/2.000; bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tỉ lệ 1/2.000; điều lệ quản lý quy hoạch; báo cáo thuyết minh tổng hợp, các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch, thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch và văn bản khác có liên quan; dự thảo Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

Ngày 30/6/2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT quy định về bảo vệ môi trường khu kinh

tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Theo Thông tư này, cơ quan đề nghị thành

lập, mở rộng khu kinh tế có trách nhiệm lập quy hoạch, xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu kinh tế theo quy định và gửi thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra theo quy định. Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu kinh tế bao gồm: Hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn; hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải; mạng lưới các điểm quan trắc chất lượng môi trường xung quanh; quy hoạch diện tích cây xanh; các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác.

Quy hoạch các khu chức năng trong khu công nghiệp phải bảo đảm giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất gây ô nhiễm với các loại hình sản xuất khác, thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường. Các dự án trong khu công nghiệp có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến các cơ sở khác trong khu công nghiệp và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu công nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được bố trí phù hợp với loại hình đầu tư trong khu công nghiệp, bảo đảm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh. Diện tích cây xanh trong phạm vi khu công nghiệp tối thiểu chiếm 10% tổng diện tích của toàn bộ khu công nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu công nghiệp phải được thiết kế đồng bộ và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng và quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan. Hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu: Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải phải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở và bảo đảm khả năng thoát nước thải của khu công nghiệp, vị trí đấu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ

thống thoát nước khu công nghiệp và đặt bên ngoài phần đất của các cơ sở; điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp tại nguồn tiếp nhận phải bố trí bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 1 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải. Việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp phải hoàn thành trước khi khu công nghiệp đi vào hoạt động. Nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp để tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 9. Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành. Mạng lưới thu gom và hệ thống thoát nước mưa, nước thải phải được thường xuyên duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp phải phân loại chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại, tự xử lý hoặc ký hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Bùn cặn của nhà máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước của khu công nghiệp và các cơ sở trong khu công nghiệp phải được thu gom, vận chuyển và xử lý hoặc tái sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý bùn thải.

Trong quá trình xây dựng và hoạt động của khu công nghiệp, khi có điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo

đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phải gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo kết quả cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đoàn kiểm tra thực tế, lấy ý kiến chuyên gia và cơ quan có liên quan để xem xét, quyết định.

Ngoài ra, Thông tư này còn quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp của Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, chủ dự án và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/8/2015.

(Xem toàn văn tại: www.monre.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Hà Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 09/6/2015, UBND tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì được xác định như sau: Thửa đất được hình thành sau khi thu hồi chỉ còn đất ở không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu sau khi tách thửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh; thửa đất được hình thành sau thu hồi còn cả diện tích đất ở và đất nông nghiệp không được công nhận là đất ở, mà tổng diện tích còn lại không đảm bảo đủ diện tích, kích thước tối thiểu sau khi tách thửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất không đủ điều kiện để ở sau thu hồi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng cho hộ liền kề (để thực hiện ghép lô, ghép

thửa); trường hợp hộ gia đình, cá nhân có văn bản đề nghị thu hồi thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ phần diện tích sau thu hồi không đủ điều kiện để ở được thực hiện đồng thời với phần diện tích phải thu hồi để thực hiện dự án.

Hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách hộ, tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất ở, nhà ở tái định cư tại địa phương xem xét giao đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình. Diện tích đất ở, nhà ở giao cho một hộ gia đình, cá nhân bằng suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Quy định này. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở, nhà ở quy định tại Khoản 1 Điều này phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định.

Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất

chung có đồng quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Trường hợp có văn bản thống nhất việc phân chia tiền bồi thường về đất được các đối tượng đồng quyền sử dụng đất ký tên, UBND cấp xã nơi có đất xác nhận thì chi trả tiền bồi thường về đất theo văn bản đó. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất không thống nhất được việc phân chia tiền bồi thường thì Hội đồng bồi thường gửi số tiền bồi thường về đất vào Kho bạc Nhà nước và hướng dẫn những người đồng quyền sử dụng đất gửi đơn đến Tòa án giải quyết theo quy định. Căn cứ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng bồi thường chi trả cho những người đang đồng quyền sử dụng đất. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, những người đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với Cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng với đất bị thu hồi. Diện tích đất được bồi thường không vượt quá diện tích đất đã thu hồi, thời hạn được miễn tiền thuê đất bằng thời hạn thuê đất còn lại của đất đã thu hồi. Trường hợp nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền và được xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai) thì được bồi thường bằng giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Mức bồi thường được tính theo đơn giá xây dựng quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết

định này. Đối với nhà, công trình vật kiến trúc khác không thuộc đối tượng quy định nêu trên thì được bồi thường như sau: Mức bồi thường nhà, công trình bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng tỉ lệ phần trăm (%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó. Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định theo công thức quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Khoản tiền tính bằng tỉ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình là 50%, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại. Trường hợp giá trị hiện có của nhà, công trình bằng 0 (đã hết thời gian khấu hao) hoặc trong quá trình sử dụng có sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thì xác định giá trị hiện có theo thực tế.

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích cơ sở trái phép, nhưng được bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa. Việc cải tạo, sửa chữa phải được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu tài sản được Nhà nước giao quản lý. Mức bồi thường được tính theo đơn giá quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định này. Người đang thuê nhà có trách nhiệm kê khai các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa. Trên cơ sở đó Hội đồng bồi thường phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản kiểm tra, xác minh các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định để làm cơ sở tính toán bồi thường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.hagiang.gov.vn)

An Giang ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh

Ngày 01/7/2015, UBND tỉnh An Giang đã có Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh.

Theo Quyết định này, trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá thuê đất một m² một năm bằng giá đất của một m² tính thu tiền thuê đất nhân (x) tỉ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất. Trong đó, giá đất cụ thể được xác định theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư áp dụng trong các trường hợp sau: Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá, xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỉ đồng trở lên. Giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng trong các trường hợp sau: Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khu chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 3 Điều

189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị dưới 20 tỉ đồng. Tỉ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất được xác định tùy theo khu vực như sau: Đất nằm trong giới hạn đô thị (thuộc phường, thị trấn) thì đơn giá thuê đất một năm tính bằng 2% giá đất tính thu tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất thuê; đất thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,75% giá đất tính thu tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất thuê (kể cả khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu); đất khu vực còn lại thì đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1% giá đất tính thu tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau: Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền, thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng; trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền

thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được xác định bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Cũng theo Quyết định này, căn cứ giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định, Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỉ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Quyết định này, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, các cơ quan dưới đây có trách nhiệm xác định đơn giá thuê đất như sau: Trường hợp xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày

16/6/2014 của Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Sở Tài chính thực hiện xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê, giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính. Trường hợp có ý kiến khác nhau về đơn giá thuê đất giữa người thuê, đất và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định đơn giá thuê đất thì quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh là quyết định cuối cùng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.angiang.gov.vn)

Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn thành phố

Ngày 14/7/2015, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn thành phố.

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do UBND Thành phố ban hành) dưới 30 tỉ đồng, đối với trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Theo Quy định này, hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau: Nhóm 1 - trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức, hệ số điều chỉnh giá đất là một (1) lần giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố. Nhóm 2 - trường hợp xác định đơn giá thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên, xác định đơn giá thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo, xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, xác định

đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai, hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo mục đích sử dụng đất và khu vực như sau: Với mục đích kinh doanh dịch vụ, thương mại, tài chính, nhà hàng, khách sạn, nhà ở cho thuê, văn phòng làm việc và cho thuê tại các khu vực 1, 2, 3, 4 và 5 lần lượt là 2,0; 1,8; 1,6; 1,4 và 1,2; với mục đích sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhà kho, nhà xưởng, hoạt động khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh, đất xây dựng siêu thị, cửa hàng thương mại - dịch vụ bán hàng bình ổn giá, cửa hàng xăng dầu và với mục đích xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, bến cảng, bến tàu, bến phà, bến đò, bến xe, nhà ga, sân bay, đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại các khu vực 1, 2, 3, 4 và 5 lần lượt là 1,2; 1,1; 1,05; 1,0 và 1,0. Trong đó, khu vực 1 gồm Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, Quận Tân Bình và Quận Phú Nhuận; Khu vực 2 gồm Quận 6, Quận 7, Quận Gò Vấp, Quận Bình Thạnh, Quận Tân Phú; khu vực 3 gồm Quận 2, Quận 8, Quận 9, Quận 12, Quận Bình Tân, Quận Thủ Đức; khu vực 4 gồm huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn; khu vực 5 gồm huyện Cần Giờ. Nhóm 3 - trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá, xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một

lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo khu vực như sau: Khu vực 1 hệ số điều chỉnh giá đất là 2 lần giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố; khu vực 2 hệ số điều chỉnh giá đất là 1,8 lần giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố; khu vực 3 hệ số điều chỉnh giá đất là 1,6 lần giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố; khu vực 4 hệ số điều chỉnh giá đất là 1,4 lần giá đất do UBND Thành phố quy định và công bố.

Ngoài việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất nêu trên, tùy theo vị trí, hệ số sử dụng đất để tính bổ sung thêm hệ số như sau: Trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ 2 mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất) thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này; trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 6,0 đến dưới 8,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 5% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này; trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 8,0 đến 10,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này. Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 10,0 đến dưới 12,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 15% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này. Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 12,0 đến dưới 14,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 20% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này. Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 14,0 đến dưới 16,0 lần thì hệ số

điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 25% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này. Trường hợp khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 16,0 trở lên thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 30% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Quy định này. Trường hợp khu đất, thửa đất thỏa mãn cả hai yếu tố quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 2 thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm theo quy định tại Điểm a trước, sau đó tiếp tục tính tăng thêm theo quy định tại Điểm b.

Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, nhưng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định và phê duyệt giá đất cụ thể trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng và không điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này. Các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do UBND Thành phố ban hành tại thời điểm thực hiện nộp nghĩa vụ tài chính) dưới

30 tỉ đồng, các trường hợp được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định và phê duyệt giá đất cụ thể, thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ tài chính. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không lựa chọn hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ tài chính thì áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xác định giá đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:
www.hochiminhcity.gov.vn)

Thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND Thành phố quy định về xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn Thành phố

Ngày 17/7/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011

của UBND Thành phố quy định về xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các

dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn Thành phố.

Theo Quyết định này, Khoản 4 Điều 2 được sửa đổi như sau: Trường hợp Nhà nước áp dụng biện pháp thu hồi đất để xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng thì trình tự, thủ tục thu hồi đất và việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư được thực hiện theo quy định hiện hành của UBND Thành phố.

Mục a Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau: Trường hợp chủ sử dụng đất có giấy tờ hợp pháp, UBND quận, huyện, thị xã có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn các chủ sử dụng đất có nhu cầu thỏa thuận và thực hiện thỏa thuận về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ sử dụng đất làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tổ chức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, Quyết định này đã bổ sung Khoản 3 vào Điều 5 Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng diện tích đất sau thu hồi trong trường hợp thực hiện phương án b Khoản 1 Điều này, cụ thể như sau: Diện tích đất sau thu hồi được sử dụng vào các mục đích: Lập dự án sử dụng vào mục đích công cộng (không sử dụng để mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh, thảm cỏ) có xây dựng tường rào ngăn cách với đất của các hộ liền kề phía trong; nếu tổ chức, cá nhân sử dụng đất liền kề có nhu cầu sử dụng đất để hợp thửa đất xây dựng công trình theo quy hoạch, chỉnh trang tuyến phố thì được xem xét giao đất chỉ định theo giá thị trường quy định. UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm kiểm tra, xem xét, đề xuất UBND Thành phố giải quyết từng trường hợp cụ thể.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học của Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Ngày 15/7/2015, Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ do Viện Khoa học và Công nghệ xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo Hội đồng nghiệm thu về nội dung cơ bản của nhiệm vụ Biên soạn Tiêu chuẩn “Thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà và công trình công cộng”, Chủ nhiệm đề tài - Th.S Nguyễn Sơn Lâm cho biết, Dự thảo Tiêu chuẩn Thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà và công trình công cộng do nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học công nghệ xây dựng biên soạn dựa trên Tiêu chuẩn GB 50189-2005 của Trung Quốc với những điều chỉnh cho phù hợp điều kiện Việt Nam.

Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu và quy định liên quan đến hiệu quả năng lượng, áp dụng để thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà và công trình công cộng, vừa đảm bảo các thông số môi trường trong nhà, vừa giảm tổng năng lượng tiêu thụ cho thông gió, điều hòa không khí và chiếu sáng.

Đánh giá về dự thảo Tiêu chuẩn “Thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà và công trình công cộng”, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng đánh giá cao tính cấp thiết của việc ban hành Tiêu chuẩn này và những cố gắng của nhóm tác giả, đồng thời đóng góp nhiều ý kiến để nhóm tác giả hoàn thiện Dự thảo tiêu chuẩn, trong đó có những vấn đề về thuật ngữ chuyên ngành, cách thức trình bày và lược bỏ một số nội dung không phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Về nội dung của nhiệm vụ biên soạn Tiêu chuẩn “Đặc trưng năng lượng tòa nhà - Yêu cầu năng lượng cho chiếu sáng”, thay mặt nhóm tác giả, TS. Phạm Đức Hạnh cho biết: Dự thảo Tiêu



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

chuẩn “Đặc trưng năng lượng tòa nhà - Yêu cầu năng lượng cho chiếu sáng” được biên soạn trên cơ sở chuyển dịch Tiêu chuẩn Anh BS EN 15193 - 2007. Dự thảo tiêu chuẩn này cung cấp phương pháp đánh giá đặc trưng năng lượng dùng cho chiếu sáng của tòa nhà, cả về chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo.

Nhận xét về dự thảo Tiêu chuẩn “Đặc trưng năng lượng tòa nhà - Yêu cầu năng lượng cho chiếu sáng”, các chuyên gia của Hội đồng cho rằng: nhóm tác giả đã hoàn thành nhiệm vụ theo đề cương được duyệt. Dự thảo tiêu chuẩn được chuyển dịch trung thành với bản gốc, chất lượng dịch khá tốt. Tuy nhiên, các phụ lục về thông số đầu vào để tính toán trong dự thảo tiêu chuẩn là thông số của các nước châu Âu nên cần phải có sự nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam thì mới áp dụng được. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp các ý kiến đề nghị chỉnh sửa về bố cục, thuật ngữ và một số lỗi trong các bảng biểu, hình vẽ.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Trung Hòa đồng tình với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, và đề nghị các nhóm tác giả tiếp thu, hoàn chỉnh các thuyết minh và dự thảo tiêu chuẩn, gửi dự thảo tiêu chuẩn lấy ý kiến bằng văn bản của 05 đơn vị liên quan trước

khi trình Bộ làm các thủ tục gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Cả hai nhiệm vụ khoa học nói trên đã được

Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng nghiệm thu 03 đề tài của Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam

Ngày 16/7/2015, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 03 đề tài của Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam, các đề tài do PGS.TS Nguyễn Việt Anh làm chủ nhiệm. Cuộc họp diễn ra với sự chủ trì của TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của PGS.TS Nguyễn Việt Anh, đề tài “Nghiên cứu phát triển công nghệ tuyển nổi áp lực để xử lý nước cấp cho sinh hoạt với nguồn nước mặt của các tỉnh ĐBSCL” được áp dụng cho hệ thống sông Tiền và sông Hậu. Đây là hai nguồn cấp nước chính cho vùng ĐBSCL, song là nguồn nước thô chứa hàm lượng lớn tạp chất lơ lửng, tạp chất hữu cơ và keo. Công nghệ xử lý nước mặt truyền thống là keo tụ - tạo bông - lắng - lọc nhanh - khử trùng. Các nhà máy xử lý nước mặt có dự trữ công nghệ than hoạt tính có thể nâng cao chất lượng nước khi cần thiết; tuy nhiên, giải pháp này chưa thực sự hiệu quả nếu nước thô đầu vào có hàm lượng chất hữu cơ cao. Quá trình làm trong nước bằng công nghệ keo tụ - lắng không đạt hiệu suất cao dẫn tới hệ thống lọc nước sẽ phải hoạt động quá tải, chất lượng nước khó bảo đảm hoặc gây tốn kém trong vận hành, do phải rửa lọc liên tục. Ở Việt Nam hiện nay chủ yếu áp dụng công nghệ khử trùng bằng clo - biện pháp rất độc hại đối với nguồn nước chứa nhiều tạp chất hữu cơ dạng keo và hòa tan.

Các nghiên cứu về công nghệ tuyển nổi đang được áp dụng thành công tại các nhà máy xử lý nước ở một số quốc gia trên thế giới của nhóm tác giả cho thấy: công nghệ này đặc biệt rất thích hợp với mẫu nước thô của sông Tiền



Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì cuộc họp

và sông Hậu. Để thử nghiệm, nhóm đã thiết kế và phối hợp với các địa phương trong vùng ĐBSCL lắp đặt 02 mô hình thí nghiệm tuyển nổi áp lực dạng cột và dạng bể chữ nhật. Kết quả rất khả quan, các biện pháp hoàn toàn phù hợp thực tế. Như vậy, công nghệ tuyển nổi giúp nâng cao chất lượng nước nhờ loại bỏ được mùi và vị, các vi sinh vật, tạp chất..., sau khi được triển khai rộng rãi sẽ góp phần đảm bảo số lượng và chất lượng nước sau xử lý, bảo vệ sức khỏe người dân, nâng cao chất lượng dịch vụ ngành cấp nước. Mặt khác, công nghệ này mở ra hướng đi mới cho việc quản lý bùn cặn từ các trạm xử lý nước cấp thông qua việc giảm thiểu chi phí quản lý, vận hành và tiết kiệm quỹ đất xây trạm xử lý. Các chi tiết của hệ thống tuyển nổi (thùng áp lực, bể phản ứng tạo bông, bể tuyển nổi, vòi phân phối dung dịch bão hòa) được nhóm nghiên cứu cải tiến cho phù hợp điều kiện nước ta cũng đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả xử lý, với các thông số công nghệ được kiểm chứng.

Về đề tài thứ hai - “Nghiên cứu ứng dụng mô

hình xử lý và thu gom nước thải phù hợp cho các điểm dân cư, khu đô thị mới ở Việt Nam - Áp dụng thử nghiệm tại Hà Nội và Vĩnh Phúc cho các nhà máy nước công suất 50 - 500 m³/ngày” - TS. Việt Anh cho biết - phần lớn các dự án thoát nước và xử lý nước thải tập trung hiện nay chủ yếu hướng tới giải quyết vấn đề thoát nước mưa, khắc phục tình trạng úng ngập, ưu tiên cho các khu vực nội thành các đô thị lớn và các khu dân cư tập trung. Việc nghiên cứu làm sạch nước thải tại chỗ cho các hộ gia đình hay điểm dân cư bằng các công nghệ phù hợp vừa đơn giản, chi phí lắp đặt và vận hành thấp, vừa đảm bảo vệ sinh môi trường là một hướng giải quyết hợp lý, tuy nhiên chưa được chú trọng. Bể tự hoại là một trong các biện pháp cổ điển nhất hiện vẫn được áp dụng tại hầu hết các đô thị Việt Nam. Hiệu quả xử lý nước thải của bể tự hoại thấp, khả năng gây ô nhiễm môi trường cao.

Thực hiện đề tài, nhóm tác giả đã nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm một số mô hình cụ thể về thu gom và xử lý nước thải, đồng thời đánh giá hiệu quả công nghệ - kinh tế của các mô hình áp dụng cho các điểm dân cư, khu đô thị mới tại địa bàn Hà Nội và Vĩnh Phúc (gồm cả căn hộ chung cư, nhà liền kề, biệt thự, kể cả những nơi có hoặc không có hệ thống thoát nước công cộng): bể xử lý kỵ khí và hiếu khí, cụm công trình xử lý nước thải với bể xử lý kỵ khí có vách ngăn mỏng và ngăn lọc BASTAF. Vật liệu chế tạo bể tự hoại và bể kỵ khí kết hợp hiếu khí là composite, cụm BASTAF được xây bằng vật liệu truyền thống như gạch, bê tông cốt thép... Các mô hình này đã được ứng dụng rộng rãi, hiệu quả cao tại nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới như Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ... Nhóm tác giả đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, lắp đặt mô hình thử nghiệm và bước đầu đạt một số kết quả nhất định, hiệu quả về kinh tế lớn do giá thành xây lắp không cao. Bên cạnh đó, các chi tiết cấu tạo, thiết bị, thông số vận hành của các mô hình

được nhóm nghiên cứu cải tiến thêm nhằm phục vụ việc xử lý nước thải ở quy mô công nghiệp (tủ điện điều khiển, ngăn lọc, ngăn bơm, vật liệu lọc kỵ khí và hiếu khí...).

Về cơ bản, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn và tính khả thi của hai đề tài. Theo nhận xét của Hội đồng, sau khi được triển khai ứng dụng, các đề tài có thể đóng góp một cách hữu hiệu vào việc cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Đề tài thứ ba được nhóm tác giả trình bày với Hội đồng nghiệm thu - “Xây dựng Hướng dẫn thiết kế, thi công, quản lý vận hành các công trình xử lý nước thải phân tán, chi phí thấp cho các thị trấn, thị tứ ở Việt Nam”. Qua nghiên cứu các tài liệu trong nước và quốc tế về phương thức tiếp cận và các giải pháp kỹ thuật, quản lý nước thải có chi phí hợp lý, đồng thời khảo sát thực địa, tổng hợp và đánh giá các hệ thống, công trình đã và đang xây tại một số vùng đặc trưng như Bắc Kạn, Thái Bình, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, nhóm đã hoàn thành việc biên soạn Dự thảo Hướng dẫn với nội dung cụ thể, liên quan tới các khâu thiết kế, thi công, quản lý và vận hành từng loại công trình xử lý nước thải chi phí thấp, phân tán: các công trình vệ sinh khô, vệ sinh ướt; công trình xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên; tái sử dụng bùn thải và bùn cặn tưới tiêu nông nghiệp; tái sử dụng nước thải để nuôi cá; tái sử dụng khí sinh học từ việc xử lý nước thải...

Hội đồng đánh giá cao tính khoa học, tính thực tế của đề tài này. Theo Hội đồng, kết quả nghiên cứu của nhóm có thể áp dụng trong công tác quy hoạch, thiết kế, thi công các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các đô thị, khu dân cư; nghiên cứu và đào tạo lĩnh vực cấp thoát nước - vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó, để Dự thảo đúng theo quy định của một văn bản hướng dẫn kỹ thuật, Hội đồng cũng thảo luận và góp ý về

câu chữ, văn phong, bố cục... để nhóm tác giả hoàn chỉnh.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu kỹ, hoàn thiện các báo cáo theo ý kiến đóng góp của Hội đồng trước tháng 9/2015. Riêng Dự thảo Hướng dẫn, TS. Hòa lưu ý cần bổ sung thêm một số hướng

dẫn cho đối với các quy trình quản lý, vận hành; và tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trước khi trình Bộ xem xét, ban hành.

Cả ba đề tài được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lê Minh

Nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị (AMC)

Ngày 21/7/2015, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu, đánh giá tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch cán bộ công chức, viên chức ngành Xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cán bộ công chức, viên chức làm cơ sở cho công tác đào tạo bồi dưỡng theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và hội nhập quốc tế” mã số RD 26-12 do AMC chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo tóm tắt quá trình triển khai và kết quả nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài - ThS. Bùi Đức Hưng cho biết: trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, ngành Xây dựng đóng vai trò hết sức quan trọng; một trong những yếu tố động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành là công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ - nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Tuy nhiên, thực tế những năm vừa qua cho thấy công tác quản lý, sử dụng cán bộ trong ngành còn nhiều hạn chế, thiếu sự liên thông trong công tác quy hoạch các cán bộ cấp lãnh đạo và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của các đơn vị, doanh nghiệp, dẫn tới sự thiếu chủ động về lựa chọn, phân công công tác phù hợp trình độ chuyên môn, kinh nghiệm. Nguyên nhân cơ bản là chưa có hệ thống tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh của công chức, viên chức



ThS. Bùi Đức Hưng (chủ nhiệm đề tài) báo cáo trước Hội đồng

lãnh đạo, quản lý ở từng vị trí khác nhau. Đề tài nghiên cứu này rất cần thiết, nhằm tạo cơ sở đánh giá, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ ngành Xây dựng một cách hiệu quả.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là chức danh lãnh đạo tại các đơn vị thuộc quản lý của Bộ Xây dựng, gồm các Cục, Vụ, Văn phòng, Thanh tra; các đơn vị sự nghiệp (Viện, trường, trung tâm thuộc Bộ); các Tổng Công ty nhà nước và các công ty thuộc Bộ. Sản phẩm đề tài được nhóm nghiên cứu trình bày trước Hội đồng là bộ tiêu chuẩn cán bộ công chức, viên chức ngành Xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 – 2015. Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá thực trạng hệ thống tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch cán bộ công chức, viên chức ngành Xây dựng; phối hợp cùng các chuyên gia và các đơn vị liên quan xây dựng mẫu phiếu điều tra

để đánh giá yêu cầu tiêu chuẩn chức danh phù hợp với yêu cầu công tác, công vụ; và tổ chức một số cuộc Hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện bộ tiêu chuẩn trước khi trình Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

Các báo cáo cáo phản biện và thành viên Hội đồng chung một nhận định: việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh hiện nay là cần thiết, đề tài đã đáp ứng tốt mục tiêu nhiệm vụ này. Theo Hội đồng, tiêu chuẩn chức danh được coi là cốt lõi để thực hiện tất cả các nội dung của công tác quản lý cán bộ, công chức hiện nay như: quy hoạch, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, trọng dụng. Hơn nữa, việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh còn là căn cứ để mỗi cá nhân tự nỗ lực phấn đấu, học tập rèn luyện vươn lên. Các tiêu chuẩn trong đề tài được Hội đồng nhận xét là khá hợp lý, dựa vào những luận cứ khoa học vững chắc cũng như kinh nghiệm thực tế của

nhóm nghiên cứu.

Phát biểu kết luận. TS. Nguyễn Trung Hòa cũng đánh giá cao sự nghiêm túc, kinh nghiệm công tác nhiều năm, phương pháp làm việc khoa học của nhóm nghiên cứu. Bên cạnh đó, để tăng tính thuyết phục, tính ứng dụng thực tế cho đề tài, nhóm cần rà soát lược bỏ một số nội dung thiếu phù hợp; bổ sung một số văn bản pháp luật liên quan làm cơ sở để đề xuất tiêu chuẩn chức danh cán bộ công chức, viên chức ngành Xây dựng, trong đó chú trọng đặc thù của ngành; bố cục trình bày cần đúng với thể thức một đề tài nghiên cứu.

Với các nhận xét và đánh giá trên đây, Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài, kết quả bỏ phiếu loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu các đề tài của Công ty CP Tư vấn công nghệ, thiết bị & kiểm định xây dựng (CONINCO)

Ngày 22/7/2015, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu hai đề tài do CONINCO chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm biên soạn, TS. Nguyễn Đình Đào đã báo cáo trước Hội đồng kết quả thực hiện và nội dung sản phẩm của cả hai đề tài. Về đề tài TC 01-13 “Biên soạn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giàn giáo, ván khuôn trong xây dựng” - TS. Đào cho biết - giàn giáo, ván khuôn tuy là các kết cấu tạm phục vụ thi công xây dựng, song có vai trò quan trọng bởi liên quan tới chất lượng công trình, tiến độ thi công, giá thành xây dựng, đặc biệt là an toàn lao động. Ở nước ta trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển các công trình xây dựng, giàn giáo và ván khuôn được sản xuất và ứng dụng rất rộng rãi, với nhiều thương hiệu lớn như Hòa Phát, An Phú, Vĩnh Lợi, Tân Trường



TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì cuộc họp

Thanh... Nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đã tham gia thị trường này ở Việt Nam như Nippon Stell, Doka... Tuy nhiên, thực tế sử dụng cho thấy một số vấn đề, đặc biệt các vấn đề về chất lượng và thiết kế lắp dựng. Thế giới đã ban hành rất nhiều tiêu chuẩn về lĩnh vực này, riêng tại châu Âu đã có hơn 60 tiêu chuẩn, Mỹ có 58 tiêu chuẩn. Việt Nam đã có một số tiêu chuẩn liên quan (TCVN

296:2004 Giàn giáo - Các yêu cầu về an toàn; TCVN 6052:1995 Giàn giáo thép; TCVN 9342:2012 Công trình bê tông cốt thép toàn khối xây dựng bằng ván khuôn trượt - Thi công và nghiệm thu; TCXDVN 201:1997 Nhà cao tầng - Kỹ thuật sử dụng giáo treo...); song nhìn tổng thể, hệ thống tiêu chuẩn của nước ta còn thiếu nhiều về số lượng, chưa cập nhật được theo hệ tiêu chuẩn quốc tế, quan trọng là chưa có Quy chuẩn bắt buộc áp dụng đối với giàn giáo, ván khuôn. Do đó, nhiệm vụ xây dựng Quy chuẩn cho lĩnh vực này hết sức cấp thiết.

Qua nghiên cứu khảo sát tình hình sản xuất và sử dụng giàn giáo, ván khuôn trong nước, kết hợp tham khảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan của quốc tế (hệ thống tiêu chuẩn của châu Âu, Mỹ, Nga, Nhật Bản) và Việt Nam, đồng thời được sự hỗ trợ chuyên môn của Bộ Xây dựng, của các chuyên gia Nhật Bản đến từ các công ty đối tác, nhóm biên soạn đã hoàn thành Dự thảo Quy chuẩn, với đối tượng áp dụng là tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quá trình sản xuất, phân phối, thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu và tháo dỡ giàn giáo, ván khuôn. Phần trọng tâm của Dự thảo (Các quy định kỹ thuật) được chia thành 02 nội dung rõ ràng: quy định kỹ thuật đối với giàn giáo, và quy định kỹ thuật đối với cán khuôn và giáo đỡ ván khuôn.

Ở nội dung đầu tiên, một số khâu quan trọng như thiết kế lắp dựng được đề xuất các quy định rất cụ thể, chi tiết về hồ sơ thiết kế, sức chịu tải, xử lý nền móng, cấu tạo của hệ thống giàn giáo với hai nội dung (bố trí thang leo và bố trí cầu thang) nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu chung - đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng. Ở nội dung thứ hai, do giáo đỡ ván khuôn phụ thuộc vào khối đổ bê tông và bê tông cốt thép nên các chi tiết điển hình ít được đề cập tới; trong khi đó, so với giàn giáo thì giáo đỡ ván khuôn thường chịu tải trọng lớn hơn nhiều lần, nên yêu cầu thử tải sau khi lắp dựng lại được tập trung đề cập, nhằm thử tải cả kết

cấu móng của giáo đỡ.

Nhận xét về Dự thảo, Hội đồng cơ bản đánh giá cao nỗ lực và chuyên môn của nhóm biên soạn. Các báo cáo phản biện và thành viên Hội đồng đều cho rằng Dự thảo sau khi chỉnh sửa các sai sót về thuật ngữ, câu chữ; lược bớt một số nội dung thiếu phù hợp trong điều kiện của nước ta và được ban hành sẽ góp phần nâng cao mức độ an toàn cho các công trình xây dựng, giảm giá thành công trình, và quan trọng nhất là giảm thiểu rủi ro, tai nạn trong thi công xây dựng.

Về đề tài TC 84-13 "Lập danh mục các tiêu chuẩn có liên quan đến giàn giáo, ván khuôn trong lĩnh vực xây dựng dân dụng & công nghiệp dựa trên các tiêu chuẩn nước ngoài" - theo báo cáo của TS. Đào - nhóm đã tập hợp 213 tiêu chuẩn về lĩnh vực liên quan của các nước trên thế giới như châu Âu (nhóm tiêu chuẩn EN), Anh (nhóm tiêu chuẩn BS), Mỹ (nhóm tiêu chuẩn ASTM), Nhật (nhóm tiêu chuẩn JIS), Nga (nhóm tiêu chuẩn GOST), các tiêu chuẩn ISO...; tổng hợp cơ sở lý luận của việc lựa chọn cũng như tiêu chí lựa chọn, qua đó đề xuất danh mục tiêu chuẩn nước ngoài cần chuyển dịch sang TCVN trong thời gian tới. Đề tài được thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn cho công trình, tiến tới hội nhập quốc tế trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài của ngành Xây dựng Việt Nam.

Về đề tài này, Hội đồng cũng đánh giá cao khối lượng và kết quả công việc nhóm biên soạn đã thực hiện. Bên cạnh đó, để nâng cao tính ứng dụng của đề tài, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến, trong đó nhấn mạnh tới cơ sở lựa chọn các tiêu chuẩn nước ngoài để phù hợp với thực tế xây dựng của nước ta, phù hợp điều kiện kinh tế cụ thể.

Phát biểu trong cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa bày tỏ nhất trí với toàn Hội đồng, lưu ý nhóm biên soạn nghiên cứu tiếp thu các ý kiến và khẩn trương chỉnh sửa dự thảo Quy chuẩn và dự thảo Danh mục theo các ý

kiến đóng góp. Riêng đối với dự thảo Quy chuẩn, TS. Hòa đề nghị nhóm bổ sung thêm giải trình về cơ sở lập quy định kỹ thuật cho giàn giáo, ván khuôn; và cùng Vụ KHCN & Môi trường rà soát chỉnh sửa lần nữa trước khi Bộ Xây dựng xin ý kiến các Bộ ngành liên quan, và

trình Bộ Khoa học & Công nghệ thẩm định.

Hai đề tài được Hội đồng nhất trí thông qua đều với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 15/7/2015, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch chung (QHC) đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn. Hội nghị có sự tham dự của lãnh đạo UBND tỉnh Bắc Ninh, đại diện tư vấn cùng thành viên Hội đồng thẩm định đến từ các Bộ ngành TW; các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng; các hội và hiệp hội chuyên môn.

Nêu rõ sự cần thiết và tóm tắt nội dung Đồ án, đại diện tư vấn cho biết: Theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh về phê duyệt Quy hoạch Xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 đã xác định năm mục tiêu lớn, trong đó đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu “xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành vùng đô thị lớn, trong đó đô thị trung tâm Bắc Ninh được hình thành trên cơ sở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du và ba xã Chi Lăng, Hán Quảng, Yên Giả (huyện Quế Võ), giữ vai trò là đầu tàu và hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, làm tiền đề để xây dựng tỉnh Bắc Ninh thành thành phố trực thuộc Trung ương”.

Qua đánh giá thực tế phát triển thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và thị trấn Lim theo các đồ án QHC đô thị đã được phê duyệt trước đây, phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất và nhìn chung là cấu trúc đô thị đã biến đổi rất nhiều. Không gian đô thị công nghiệp dọc các trục Quốc lộ 1, Quốc lộ 18, Quốc lộ 38 gần như nối liền; trong khi hệ thống các công trình hạ



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

tầng kỹ thuật đô thị vẫn mang tính cục bộ, chưa được kết nối. Bên cạnh đó, những biến động trong sự phát triển kinh tế - xã hội thời gian gần đây có tác động to lớn tới Bắc Ninh, quan trọng hơn cả là sự hình thành “hai hành lang, một vành đai kinh tế”; Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; và một số dự án đầu tư lớn về giao thông, khu công nghiệp, khu đô thị...

Việc lập đồ án QHC đô thị Bắc Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 là hoàn toàn cần thiết nhằm khắc phục tình trạng bó hẹp, hạn chế phát triển của đô thị trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố Bắc Ninh hiện hữu, chủ động đón trước thời cơ do sự kết nối tất yếu về mặt không gian giữa thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và huyện Tiên Du theo quy luật đô thị hóa hiện nay, tạo ra một thành phố

mới hiện đại có quy mô dân số, kinh tế và hạ tầng đủ lớn, với đầy đủ năng lực hỗ trợ hiệu quả cho Thủ đô Hà Nội trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội. Đồ án QHC cũng là bước hiện thực hóa Nhiệm vụ Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá các đặc điểm điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế, tư vấn đã đưa ra 05 chiến lược cho khung quy hoạch. Đó là: kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và phát triển mới, tăng cường chức năng và vai trò của đô thị trung tâm (đô thị lõi); tạo ra được sự khác biệt, hướng tới xây dựng đô thị văn hóa - sinh thái - trí thức, an sinh xã hội được bảo đảm; gắn kết với Thủ đô Hà Nội, các vùng xung quanh và cả nước; trở thành một trong các trọng điểm phát triển của Vùng Thủ đô Hà Nội, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc TW.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đã xác định phát triển đô thị lõi gồm các khu vực đô thị Bắc Ninh, Tiên Du, Từ Sơn, Nam Sơn, làm căn cứ lập QHC đô thị lõi trong các giai đoạn quá độ hướng tới hình thành cấu trúc của thành phố trực thuộc TW. Trên cơ sở đó, tư vấn đã đề xuất phương án cấu trúc đô thị, gồm tam giác động lực phát triển Bắc Ninh với trung tâm đô thị là khu vực chùa Phật Tích - trung tâm văn hóa, lịch sử và du lịch tín ngưỡng, có thiên nhiên trù phú, cảnh quan tươi đẹp, và các trục liên kết vùng: cao tốc 1A liên kết với Hà Nội, Bắc Giang; Quốc lộ 18 liên kết với cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Hạ Long; đường vành đai 4

liên kết với Hải Dương, Thái Nguyên. Tư vấn cũng xác định rõ các phân khu đô thị, phân khu công nghiệp (Quế Võ, Tiên Sơn - Hoàn Sơn - Đại Đồng), phân khu bảo tồn tự nhiên (chùa Phật Tích, núi Dạm, sông Đuống, sông Cầu và sông Ngũ Huyện Khê).

Nhận xét về Đồ án, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao chuyên môn, tâm huyết của tư vấn nước ngoài (Nikken Sekkei - Nhật Bản), cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa tư vấn và Chính quyền địa phương, để Đồ án vừa thể hiện được những ý tưởng sáng tạo, vừa phù hợp với truyền thống và bản sắc văn hóa của Việt Nam nói chung, và của vùng đất Kinh Bắc nói riêng. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng góp ý tư vấn cần bổ sung thêm một số căn cứ pháp lý cho Đồ án Quy hoạch; đặc biệt, Đồ án cần nhấn mạnh hơn tới vai trò của Bắc Ninh đối với vùng Thủ đô Hà Nội.

Tổng hợp các nhận xét và ý kiến của thành viên Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí thông qua Đồ án. Tuy nhiên, để Đồ án hoàn thiện, UBND tỉnh Bắc Ninh cần chỉ đạo tư vấn khẩn trương rà soát chỉnh sửa một số nội dung theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng; bổ sung các sơ đồ, bản vẽ kèm chú thích địa danh cụ thể. Báo cáo cần làm rõ hơn động lực phát triển, mở rộng phạm vi nghiên cứu cho phù hợp với tính chất của đô thị Bắc Ninh - một đô thị rất phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ thương mại, đồng thời là nơi hội tụ nhiều nét tinh hoa về kiến trúc - lịch sử - văn hóa của miền Bắc Việt Nam.

Lệ Minh

Hội nghị Thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng Chiến khu Cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030

Ngày 23/7/2015 tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội

nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng Chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái

Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030. Tham dự Hội nghị có đại diện UBND các địa phương tham gia Đồ án Quy hoạch, các thành viên Hội đồng thẩm định từ Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, các Bộ ngành TW, các Hội và Hiệp hội chuyên môn, các Cục Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn Quốc gia (VIUP) - đã báo cáo tóm tắt nội dung, cơ sở pháp lý và sự cần thiết lập Quy hoạch. Theo báo cáo, Chiến khu cách mạng ATK là một vùng di tích lịch sử cách mạng quan trọng, gắn liền với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh và những năm tháng trường kỳ kháng chiến của dân tộc thời kỳ 1941-1954. Vùng chiến khu Việt Bắc trải rộng trên địa bàn 06 tỉnh miền núi phía Bắc: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng và Lạng Sơn; trong đó vùng trung tâm ATK nằm trên đất các huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (tỉnh Tuyên Quang), Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn); là nơi tập trung nhiều di tích nhất. Vùng lõi của khu vực chủ yếu tại các huyện có địa giới giáp ranh liên hoàn thuộc 03 tỉnh là nơi có nhiều khu di tích, cụm điểm di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia.

Những năm qua, thể hiện các chính sách của Đảng và nhà nước đối với các dân tộc miền núi, vùng ATK đã nhận được rất nhiều sự quan tâm đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội trong vùng. Tuy nhiên, giá trị của khu vực chưa được khai thác hiệu quả tương xứng với tiềm năng; chưa có một mô hình quy hoạch, quản lý và khai thác liên thông giữa 03 tỉnh để phát huy mọi thế mạnh của vùng ATK cùng với hệ thống các di tích. Do đó, việc lập Đồ án Quy hoạch là cần thiết, là bước hiện thực hóa Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Kạn đã được Thủ tướng phê duyệt tại



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

Quyết định số 679/QĐ-TTg ngày 3/5/2013.

Thực hiện việc lập Đồ án, tư vấn đã tổng hợp và đánh giá hiện trạng kinh tế xã hội của vùng ATK, tình hình bảo tồn và khai thác các di tích lịch sử cách mạng, từ đó đề xuất giải pháp quy hoạch vùng liên tỉnh kết hợp với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng di tích. Đồ án đặc biệt nhấn mạnh định hướng phát triển du lịch của vùng, với các sản phẩm du lịch đặc trưng, căn cứ vào đặc điểm tiềm năng tài nguyên du lịch trên từng địa bàn - du lịch về nguồn (các di tích lịch sử cách mạng như đình Tân Trào, Đài tưởng niệm Bác Hồ tại Định Hóa -Thái Nguyên); du lịch nghỉ dưỡng (hồ Núi Cốc, hồ Bảo Linh, thác Bảy tầng ở Thái Nguyên; suối khoáng Mỹ Lâm, rừng nguyên sinh Chạm Chu, thác Bản Ba ở Tuyên Quang...); du lịch lễ hội, tín ngưỡng (Tây Thiên, Thiền viện, chùa Thiên Tây Trúc, lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Đền Đuối, giới thiệu văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc...), du lịch sinh thái, du lịch tìm hiểu văn hóa - lịch sử, du lịch thể thao mạo hiểm... Bên cạnh đó, trong Đồ án, tư vấn cũng đề xuất các chương trình, dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, liên thông trong vùng đảm bảo sự gắn kết các cụm, điểm di tích với các danh thắng, các trung tâm dịch vụ của vùng phục vụ cho việc phát triển du lịch, góp phần tăng thu ngân sách, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Trên cơ sở định hướng giao thông và không

gian của vùng trung du miền núi phía Bắc và khung định hướng phát triển của các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Kạn, khung quy hoạch không gian vùng ATK được xác định gồm các trục phát triển du lịch, dịch vụ du lịch thương mại dọc theo các cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn, Quốc lộ 2B, 2C, 3C liên kết vùng với Cao Bằng, Hà Nội; trục phát triển du lịch, thương mại, nông - lâm nghiệp, công nghiệp và an ninh quốc phòng dọc theo đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 3B, Quốc lộ 37 liên kết vùng với Lạng Sơn, Hà Giang, Yên Bái; thành phố Tuyên Quang đóng vai trò đô thị trung tâm vùng. Khu vực trọng tâm ATK được xác định tập trung rất nhiều di tích giá trị, trong đó có tới 80 di tích cấp quốc gia, 49 di tích cấp tỉnh.

Theo nhận xét của các thành viên Hội đồng, Đồ án được thực hiện công phu, bám sát các mục tiêu nhiệm vụ đề ra; nhất là trong Đồ án, tư vấn đã thể hiện tốt mối liên kết về không gian, kết nối hạ tầng khung vùng ATK giữa 03 tỉnh liên quan. Định hướng chủ yếu phát triển

du lịch của vùng, lấy đó làm cơ sở chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong toàn vùng được Hội đồng đánh giá cao, nếu xem xét điều kiện phát triển kinh tế nông nghiệp và công nghiệp của khu vực miền núi vẫn còn nhiều hạn chế.

Sau khi nghe các báo cáo phản biện và ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với toàn Hội đồng thông qua Đồ án. Theo Thứ trưởng, đây là một Đồ án tương đối đặc thù, song tư vấn về cơ bản thực hiện tốt, thể hiện chuyên môn cao. Bên cạnh đó, còn một số vấn đề tư vấn cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương khẩn trương rà soát, chỉnh sửa (nguồn vốn, các dự án ưu tiên đầu tư...) để Đồ án khả thi, sớm đi vào thực tế phát triển kinh tế xã hội của 03 tỉnh, và góp phần nâng cao hình ảnh của vùng “Thủ đô kháng chiến” giàu truyền thống cách mạng.

Lệ Minh

Thiết kế cấp nước nóng năng lượng mặt trời cho các tòa nhà

Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng tái tạo phong phú nhất hiện nay và được ứng dụng rộng rãi trong nhiều phương diện như phát điện, sưởi ấm, cấp nước...

Năng lượng mặt trời vừa là năng lượng sơ cấp, vừa là năng lượng tái tạo. Nguồn năng lượng mặt trời rất phong phú, có thể sử dụng miễn phí, không cần phải vận chuyển và không tạo ra ô nhiễm môi trường. Do đó, sử dụng hợp lý và hiệu quả kỹ thuật năng lượng mặt trời đang trở thành xu thế tất yếu. Trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới ngày càng đề cao công tác bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế carbon thấp, thì hệ thống cấp nước nóng năng lượng mặt trời trong các tòa nhà bắt đầu được ứng dụng nhiều trong các tòa nhà xây mới.

I. Lựa chọn hệ thống

1. Hệ thống cấp nước nóng phân tán

- *Dạng nhỏ gọn:* Những tòa nhà từ dưới 6 tầng nên chọn hệ thống này. Đây là hệ thống tích nhiệt theo phương thức gia nhiệt trực tiếp, tuần hoàn tự nhiên. Thiết bị tích nhiệt và bình nước nóng được đặt trên mái nhà. Tùy theo nhu cầu sử dụng để lắp đặt thêm hệ thống hỗ trợ gia nhiệt. Đường nước lạnh vào và nước nóng ra từ thiết bị làm nóng cùng sử dụng một đường ống.

- *Dạng phân tách:* Thích hợp cho các tòa nhà sử dụng thiết bị tích nhiệt và bình nước nóng bị hạn chế về vị trí. Hệ thống tích nhiệt sử dụng tuần hoàn cưỡng chế. Thiết bị tích nhiệt có thể đặt tại mái, trên tường hoặc ban công. Vị trí của bình nước nóng cũng có thể đặt tại ban công, nhà vệ sinh.

2. Hệ thống cấp nước nóng tập trung -

phân tán

Thích hợp cho các tòa nhà trên 6 tầng. Hệ thống tích nhiệt sử dụng tuần hoàn cưỡng chế, hệ thống gia nhiệt gián tiếp. Thiết bị tích nhiệt có thể đặt trên mái, trên tường còn thiết bị gia nhiệt có thể đặt tại nhà vệ sinh hoặc ban công nhà ở.

3. Hệ thống cấp nước nóng tập trung

Thích hợp cho các công trình công cộng, nhà ở nhiều tầng và cao tầng. Hệ thống tích nhiệt sử dụng tuần hoàn cưỡng chế, hệ thống gia nhiệt trực tiếp hoặc gián tiếp. Thiết bị tích nhiệt có thể đặt tại mái hay trên tường, trên mái bố trí bình nước nóng.

II. Bố trí đường ống

Nên sử dụng các biện pháp để đảm bảo áp lực hệ thống nước nóng lạnh cân bằng, chênh lệch áp lực nước nóng, lạnh trong hệ thống không nên vượt quá 0,02 MPa.

Đường ống nên sử dụng biện pháp bảo ôn, đảm bảo nhiệt độ cấp nước của hệ thống.

Đường ống ngoài nhà sử dụng cách bố trí chống đông lạnh (ở những nơi có nhiệt độ thấp vào mùa đông), tức trong đường ống không được có các đoạn nước đông mắc kẹt.

Cần bố trí hợp lý hướng đi của đường ống, đường ống bên ngoài nhà nên được bố trí ngầm. Đường ống xuyên qua các kết cấu bảo vệ xung quanh của ngôi nhà nên ở bên trong các ống bọc chôn sẵn.

Đường ống dọc nên được thiết kế bên trong hộp kỹ thuật giúp che khuất đường ống một cách an toàn, hơn nữa lại tiện kiểm tra, bảo trì. Các đường ống ngang trong nhà nên được bố trí ngầm bên trong, nếu được sử dụng trong tấm sàn và trong tường thì nên có các rãnh đường ống ngang.

Lưu ý khi lựa chọn vật liệu ống: Hệ thống tích nhiệt sử dụng vật liệu ống và phụ kiện ống cần phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn sản phẩm hiện hành. Áp lực làm việc và nhiệt độ làm việc của đường ống không được lớn hơn áp lực làm việc và nhiệt độ làm việc cho phép trong tiêu

chuẩn sản phẩm. Hệ thống tích nhiệt nên lựa chọn vật liệu ống và phụ kiện ống bằng kim loại, đồng thời sử dụng các biện pháp phòng chống ăn mòn.

III. Bố trí thiết bị gia nhiệt từ nguồn nhiệt phụ trợ

Trong thiết kế xây dựng cần chú ý các vị trí tương ứng để thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo cho thiết bị nhiệt phụ trợ được vận hành an toàn, thao tác, bảo trì an toàn.

Nguồn nhiệt phụ trợ cần được bố trí sát với bình chứa nước nóng.

Phương thức khởi động thiết bị nhiệt phụ trợ chia thành khởi động bằng tay, khởi động vào lúc trọng điểm của cả ngày và khởi động tự động vào thời điểm cố định. Phương thức khởi động liên quan trực tiếp đến hiệu quả tiết kiệm năng lượng của hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời, cần kết hợp với phương thức cấp nước nóng khác nhau, sử dụng phương thức kiểm soát thích hợp.

IV. Phương thức kiểm soát

Hệ thống cấp nước nóng năng lượng mặt trời nên bố trí kiểm soát vận hành hệ thống tích nhiệt, kiểm soát tự động chuyển đổi của nguồn nhiệt phụ trợ, kiểm soát chống đông lạnh, kiểm soát đề phòng quá nhiệt. Hệ thống cung ứng nước nóng tập trung còn cần bố trí kiểm soát tuần hoàn nước nóng.

Phương thức kiểm soát nên cố gắng thật giản đơn, tin cậy, tiện cho việc thao tác, thích hợp bố trí bảng điều khiển kiểm soát hiển thị số hóa giúp hiển thị lượng nhiệt năng lượng mặt trời có được, lượng sử dụng nguồn nhiệt phụ trợ, nhiệt độ cấp nước, nhiệt độ mạng lưới đường ống, nhiệt độ bình chứa nước nóng... trong hệ thống mỗi ngày. Phương thức này giúp các hộ sử dụng có thể hiểu trực quan về lượng năng lượng trong hệ thống.

Để đảm bảo chức năng sử dụng và sự an toàn của hệ thống, cần bố trí tương ứng các nguyên kiện kiểm soát như van điện tử, van kiểm soát nhiệt độ, van kiểm soát áp lực, van

thoát khí tự động, van an toàn ..., sản phẩm cần phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn sản phẩm có liên quan, đồng thời bố trí sẵn các không gian điểm kiểm tra, sửa chữa.

V. Kết luận

Tận dụng hợp lý, hiệu quả kỹ thuật năng lượng mặt trời đã trở thành xu thế tất yếu. Bản thân việc thiết kế công trình là một trong những nội dung trọng tâm nhất trong tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng. Vì vậy, cùng với sự nỗ lực và sự cải tiến không ngừng của các kiến trúc sư thiết kế công trình, hệ thống và kỹ thuật về nước

nóng từ năng lượng mặt trời trong các công trình xây dựng sẽ không ngừng được hoàn thiện. Trong các công trình nhà ở, cần mở rộng hơn nữa hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời, giúp chúng được sử dụng một cách phổ biến, đạt tới mục đích về tiết kiệm năng lượng.

Đàm Bàn

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 3/2015*

ND: Kim Nhạn

Vật liệu trang trí bền vững

Khoa học vật liệu hiện đại đặc biệt quan tâm tạo ra loại vật liệu hiệu quả sử dụng cho công tác hoàn thiện và trang trí trên các loại bề mặt khác nhau. Công nghệ hoàn thiện và trang trí nêu ra việc sử dụng rộng rãi phụ gia tổng hợp khoáng hữu cơ, nhiều chủng loại vật liệu kết dính tổng hợp khác nhau trong đó thành phần oxyt silic SiO_2 được sử dụng như loại nguyên liệu có nguồn gốc kỹ thuật kết hợp với phụ gia siêu dẻo. Cách tiếp cận đó tạo ra bước ngoặt trong công nghệ tạo lớp phủ mặt có độ bền cao và lâu dài đối với các loại mặt ngoài đặc biệt.

Tuy nhiên, giá thành của loại vật liệu hoàn thiện độ bền cao và chi phí thi công lớp phủ mặt cũng tương đối cao, tùy theo điều kiện cụ thể có thể tăng chi phí tăng đến một vài lần so với sử dụng vật liệu kết dính thông thường. Do vậy, tìm được thành phần khoáng chất đa dạng về màu sắc kể cả khoáng chất có nguồn gốc kỹ thuật là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Các thành phần khoáng chất đó giúp không chỉ giảm các yêu cầu đặt ra đối với các chỉ tiêu kỹ thuật xây dựng và thẩm mỹ mà còn có thể tăng khả năng tiếp cận và hiệu quả kinh tế của loại vật liệu mới có độ bền cao.

Sự thiếu các hiểu biết về quá trình hình thành cấu trúc của vật liệu tổng hợp mà trong thành phần có chứa nguyên liệu mang nguồn

gốc kỹ thuật là tiền đề cho việc đẩy mạnh các nghiên cứu nhằm tối ưu hóa thành phần của vật liệu trang trí có độ bền cao trong điều kiện lựa chọn tỷ lệ hợp lý của các sản phẩm mới mang nguồn gốc kỹ thuật. Điều đó sẽ giúp giảm đáng kể tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng trong sản xuất vật liệu tổng hợp sử dụng cho công tác hoàn thiện.

Từ năm 1993, Trường đại học công nghệ thành phố Belgorod mang tên V.G. Shukhov (LB Nga) đã tiến hành các nghiên cứu liên quan đến vật liệu tổng hợp khoáng hữu cơ, trong đó đặc biệt quan tâm đến các sản phẩm sản xuất trên cơ sở chất kết dính không thuộc loại xi măng, kết hợp với cốt liệu cacbonat.

Các loại vật liệu như oxyt silic vi tinh thể, phụ gia chứa nhôm, đá thạch anh vi tinh thể và cát thạch anh với các thành phần hoá học và khoáng chất khác nhau và có nguồn gốc phát sinh khác nhau mà đang được sử dụng rộng rãi hiện nay, đã được nghiên cứu sử dụng với vai trò tương tự như thành phần oxyt silic. Sự lựa chọn các vật liệu nêu trên cho công tác nghiên cứu nhằm bảo đảm cung cấp cho ngành xây dựng các loại vật liệu hoàn thiện có thể tích nhỏ và sản phẩm có tính bền vững cao, có khả năng giảm trọng lượng của nhà và công trình mà không làm giảm độ cứng của kết cấu, sự ổn

định và tính bền vững lâu dài. Để đạt được các mục tiêu nêu trên trước hết cần dựa vào các đặc tính đa thành phần của cấu trúc vật liệu và sản phẩm đá nhân tạo.

Vật liệu tổng hợp có độ bền cao là bê tông có cường độ nén trong xi lanh trụ bằng 60 - 130 Mpa còn vật liệu tổng hợp có chất lượng cao là bê tông có đặc tính khai thác cao trong đó tỷ lệ nước/chất kết dính không nhỏ hơn 0,4. Ưu điểm của loại vật liệu nêu trên là dễ đổ và cường độ bê tông được cải thiện hơn nhiều. Các loại bê tông đó đã và đang được sử dụng rộng rãi trong xây dựng tại Nhật Bản, Na Uy, Mỹ và Pháp.

Hiện nay, việc nghiên cứu vật liệu trang trí có độ bền cao đã thu được những kết quả đáng lưu ý. Đó là loại vật liệu mà cấu trúc được hình thành với sự hỗ trợ của phụ gia hữu cơ chứa cốt liệu phân tán mịn có khả năng tham gia các phản ứng. Các phần tử vật liệu tổng hợp khoáng hữu cơ đông cứng nêu trên bảo đảm cho sản phẩm khả năng nhanh chóng đạt cường độ mong muốn thông qua sự tương tác giữa các phần tử đó với nhau và với bề mặt của cốt liệu. Đặc tính nổi trội đó giúp tạo ra lớp phủ mặt nếu nhìn bằng mắt có thể cảm nhận chúng tương tự như khối xây từ gạch, đá cuội hoặc đá thiên nhiên, đá học và thậm chí là ván gỗ, có cường độ và độ cứng tương đương bê tông đổ liền khối.

Lớp phủ mặt nêu trên có thể được ứng dụng rộng rãi từ lát đường trong vườn và lát vỉa hè cho đến xây dựng đường ô tô, quảng trường trong đô thị, đường trồng cây, lát sàn gian trưng bày, sảnh, cửa hàng ăn và phòng ở, kể cả sử dụng trong trang trí hoàn thiện mặt trước nhà, tường vây, trang trí lò sưởi, cầu thang, cột, cửa đi và cửa sổ. Sự đa dạng về hình dáng, cấu tạo và màu sắc giúp tạo ra các bề mặt khác nhau không bị lặp lại và lựa chọn phù hợp với phong cách kiến trúc trong khi vẫn duy trì được các đặc tính kỹ thuật xây dựng chất lượng cao (cường độ đạt 60 - 100 Mpa, khả năng chống mòn, độ bền băng giá và độ bền vững chống ăn mòn).

Cùng với việc nghiên cứu tạo ra thành phần hợp lý cho bê tông trang trí độ bền cao, các nghiên cứu nhằm xây dựng các biện pháp công nghệ phủ lớp vật liệu lên bề mặt cũng đã được thực hiện. Trên thực tế việc đổ khuôn được thực hiện thông qua một vài thủ pháp bao gồm công việc chuẩn bị và kết thúc.

Bê tông trang trí đổ bằng khuôn có thể được phủ lên bất cứ loại bề mặt nào như: Bê tông, lớp trát, thạch cao, các tông thạch cao, tấm dăm bào định hướng, gỗ dăm bào, gạch gốm và gạch silicat, gạch xỉ, bê tông khí, bê tông polystirol và các loại bề mặt khác. Yêu cầu cơ bản đối với tất cả các loại bề mặt nêu trên là không tồn tại vết nứt biến dạng và không chịu tải trọng động.

Thông thường, quy trình công nghệ tạo lớp phủ mặt bằng bê tông đổ bằng khuôn bao gồm 5 đến 6 công đoạn. Kinh nghiệm thu được trong quá trình thi công cho thấy khả năng kết hợp quá trình phủ lớp kết dính lần thứ nhất với công việc quét lớp vật liệu tạo màu lên bề mặt ẩm mà không cần thổi trôi hoặc rửa trôi chất tạo màu còn sót lại từ bề mặt. Trong điều kiện việc ốp lát chỉ cần thực hiện theo một lớp. Kể cả sau đó có thể bỏ qua công việc tẩy rửa đối với bề mặt vật liệu tổng hợp đã đông cứng bằng chất tẩy rửa tính axit.

Kết quả cho thấy độ đậm phù hợp của bản in và bề mặt bản in sau khi sử dụng bộ dụng cụ khuôn ép bao gồm 5 tấm thảm cứng và 2 tấm thảm mềm. Kết quả đó cũng cho thấy khả năng bảo đảm thực hiện liên tục quá trình ép khuôn thông qua việc di chuyển các tấm thảm ép khuôn in nêu trên. Để tách rời khuôn ép khỏi bê tông có thể sử dụng chất dầu bôi trơn có màu với chức năng là chất cố định cấu trúc màu sắc. Việc sử dụng dầu bôi trơn đặc giúp loại trừ sự gây bụi cho môi trường xung quanh, không mùi và không gây hại cho động thực vật.

Bột màu để tạo màu vữa bê tông trong quá trình đảo trộn cũng có thể được sử dụng như chất tạo màu bổ sung. Trong đó, một lượng nhỏ bột màu được hòa tan trong dung môi và phun

đều lên bề mặt của vữa đã ép khuôn và đông cứng. Sau khi kết thúc quá trình đông cứng bề mặt được tạo đặc tính bóng loáng với sự hỗ trợ của sơn dầu làm kín.

Giai đoạn đầu của việc nghiên cứu đã mở rộng nhóm cốt liệu phân tán của chất kết dính nhiều phần tử có nguồn gốc kỹ thuật nhằm tận dụng chất thải sản xuất gốm. Loại chất thải đó có chứa alumosilicat canxi tương tự chất mullit hoặc hỗn hợp của mullit với cát thạch anh phân tán mịn. Các chất mullit đó có đặc tính tương tự như các tâm kết tinh hình thành trong quá trình đông cứng của xi măng. Chất thải được nghiền đạt giá trị bề mặt riêng bằng 1.500 m²/kg.

Vật liệu có độ bền cao được chế tạo bằng cách làm biến tính phụ gia tổng hợp bao gồm phụ gia siêu dẻo và chất khoáng được nghiền mịn. Lượng phụ gia là 32% - 34%, tỷ lệ phụ gia siêu dẻo Melflux 2651 là 0,9% tính theo lượng xi măng tiêu thụ. Lượng xi măng tiêu thụ giảm

được gần 18%.

Kết luận

Việc hoàn thiện thành phần và công nghệ thi công lớp bê tông trang trí bề mặt bằng phương pháp ép khuôn giúp nâng cao chất lượng của hàng loạt các chỉ tiêu kết cấu và công nghệ, như:

- Giảm tiêu thụ vật liệu trong quá trình tạo lớp phủ mặt nhờ giảm số lượng các lớp của toàn bộ sản phẩm (giảm 7% - 9%);
- Tiêu thụ vật liệu và năng lượng giảm (giảm 15%) tính trên một đơn vị diện tích bề mặt;
- Ô nhiễm môi trường giảm đến mức thấp nhất nhờ sử dụng chủ yếu các vật liệu không độc hại và an toàn cháy.

A.D. Tolstoi và các cộng sự

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng (tiếng Nga), số 8/2014

ND: Huỳnh Phước

Đại hội Đại biểu lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020) của Đảng bộ Bộ Xây dựng

Ngày 24/7/2015 tại Hà Nội, Đảng bộ Bộ Xây dựng tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2015 - 2020). Tham dự Đại hội có đồng chí Đào Ngọc Dung - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy khối các Cơ quan Trung ương, đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đồng chí Phạm Hồng Hà - Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng.

Tham dự Đại hội còn có đồng chí Lê Quang Hùng - Ủy viên Ban cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Bùi Phạm Khánh - Ủy viên Ban cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Phan Thị Mỹ Linh - Ủy viên Ban cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Nguyễn Văn Bình - Ủy viên Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, với tinh thần đoàn kết, phấn đấu nỗ lực của tập thể cấp ủy cùng toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Bộ Xây dựng đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa VII đã đề ra, qua đó đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của ngành Xây dựng nói riêng, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

Qua 5 năm (2010 - 2015), Đảng bộ Bộ Xây dựng không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Nếu như năm 2010, toàn Đảng bộ có 1.300 Đảng viên, 39 đảng bộ, chi bộ trực thuộc, đến nay Đảng bộ Bộ Xây dựng đã có 1.708 đảng viên sinh hoạt tại 46 đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Với sự quan tâm, sát sao của Đảng ủy Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2010 - 2015, 100% đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng bộ được học tập, nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết của



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Đại hội

Đảng, tỷ lệ cán bộ đảng viên tham gia đạt trên 95%; 100% đảng bộ, chi bộ có Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng; trên 80% tổ chức đảng đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh hàng năm, trong đó có trên 20% trở lên đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh toàn diện; trên 98% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có trên 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,...

Trong 5 năm 2010 - 2015, Đảng bộ Bộ Xây dựng đã kết nạp mới 515 đảng viên, đạt 129% chỉ tiêu nhiệm kỳ VII đề ra, trong đó có trên 70% đảng viên mới được kết nạp trong độ tuổi thanh niên. 100% đảng bộ, chi bộ tiến hành tự kiểm tra hàng năm. Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy kiểm tra từ 25 - 30 số tổ chức đảng trực thuộc hàng năm.

Nhiệm kỳ qua, công tác chính trị tư tưởng được các cấp ủy đảng đặc biệt quan tâm, tích cực triển khai thực hiện có chất lượng, hiệu quả. Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị được triển khai thực hiện nghiêm túc, có chất lượng gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Thông qua việc triển khai thực hiện, nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng về ý nghĩa và vai trò của việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW và Nghị quyết Trung ương 4 được nâng lên, góp phần cảnh báo, ngăn chặn

có hiệu quả hiện tượng suy thoái chính trị tư tưởng của đảng viên.

Nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống cho đảng viên, Đảng ủy Bộ Xây dựng đã ban hành Quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Bộ Xây dựng, đồng thời hướng dẫn các đơn vị tổ chức hội thảo "Tư tưởng của Bác đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp" và thuyết trình "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ", đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong toàn đảng bộ.

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã chỉ đạo các đảng ủy, chi ủy triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 01- NQ/ĐUK của Đảng ủy khối các Cơ quan Trung ương về "Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ". Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Đảng ủy Bộ Xây dựng đã tổ chức 6 lớp tìm hiểu về Đảng cho 1.035 quần chúng ưu tú, 5 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho 498 đảng viên mới, 3 lớp bồi dưỡng cấp ủy cho 632 lượt bí thư chi bộ, cấp ủy viên cơ sở. Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức học cao cấp lý luận chính trị cho 58 đảng viên của Đảng bộ.

Trong công tác kiểm tra, giám sát hằng năm, Đảng ủy và UBKT đều kiểm tra, giám sát nội dung thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị, coi đây là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại tổ chức đảng, đảng viên hàng năm. Nhiệm kỳ qua, Đảng ủy Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch số 11-KH/ĐU về triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị yêu cầu các cấp ủy trong kiểm điểm, tự phê bình và phê bình phải chân thành, thẳng thắn, xây dựng, dựa trên các nguyên tắc tổ chức, đảm bảo hiệu quả thật sự.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, 5 năm qua, Đảng bộ Bộ Xây dựng không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đảng bộ đã tích cực quán triệt các Nghị quyết, Chương trình hành động của Đảng cũng



Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020 ra mắt Đại hội

như của Đảng bộ Khối các Cơ quan Trung ương, chú trọng cải cách thủ tục hành chính, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, từng bước đảm bảo đáp ứng sự phát triển hài hòa, bền vững.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đề ra những nhiệm vụ trọng tâm để Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng khóa VIII tập trung thực hiện, đó là: Hoàn thiện thể chế chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông, tạo bước đột phá về nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, đặc biệt là nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, đẩy mạnh phát triển nhà ở gắn với quản lý thị trường bất động sản,...

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đề nghị công tác lãnh đạo của các cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng phải luôn bám sát nhiệm vụ của ngành, các Nghị quyết của Đảng, Đảng ủy khối các Cơ quan Trung ương, các đảng viên phải tập trung hoàn thiện nhiệm vụ của mình.

Đại hội đã tiến hành bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa VIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 29 đồng chí, bầu 6 đồng chí dự Đại hội Đảng cấp trên, đồng thời tham gia góp ý cho các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Dự thảo báo cáo Chính trị của Đại hội đại biểu Đảng bộ khối các Cơ quan Trung ương nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Phát biểu chỉ đạo tại Đại hội Đại biểu Đảng

bộ Bộ Xây dựng khóa VIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đồng chí Đào Ngọc Dung đánh giá: Đảng bộ Bộ Xây dựng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu cho Chính phủ hoàn thiện thể chế chính sách liên quan đến lĩnh vực xây dựng, theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong 5 năm qua, công tác xây dựng Đảng của Bộ Xây dựng có nhiều chuyển biến tích cực, Bộ đã có nhiều chú trọng nhiều đến công tác tư tưởng, chính trị, tổ chức bộ máy quản lý, là Đảng bộ có nhiều năm đạt danh hiệu Đảng bộ Trong sạch vững mạnh.

Đồng chí Đào Ngọc Dung nhấn mạnh nhiệm

vụ hàng đầu của Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020 là tăng cường và làm tốt công tác tư tưởng trong toàn đảng viên. Bên cạnh đó, các đảng ủy, chi ủy cần tăng cường tham mưu, giúp Đảng bộ Bộ Xây dựng hoàn thành nhiệm vụ được giao; Đảng bộ và các cấp ủy cần chú trọng xây dựng đơn vị thực sự trong sạch vững mạnh. Đặc biệt Đảng bộ Bộ Xây dựng phải là trung tâm đoàn kết, thực sự là chỗ dựa tin cậy của các bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Trần Đình Hà

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam

Ngày 22/7/2015 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng trao tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - Bà Jutta Frasch. Tham dự buổi lễ có phu quân bà Đại sứ cùng các thành viên thuộc Đại sứ quán CHLB Đức tại Việt Nam.

Những năm qua, Chính phủ, các doanh nghiệp CHLB Đức đã tích cực giúp đỡ Việt Nam nâng cao năng lực trong quản lý, đặc biệt là quản lý phát triển đô thị. Bên cạnh đó, việc triển khai hợp tác trong lĩnh vực xây dựng được diễn ra thường xuyên, hiệu quả, góp phần nâng cao mối quan hệ sâu sắc giữa 2 nước.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đánh giá việc phát triển mối quan hệ hợp tác nói chung, hợp tác trong lĩnh vực xây dựng nói riêng giữa Chính phủ 2 nước Việt Nam - Đức trong thời gian qua có sự đóng góp quan trọng của bà Đại sứ Jutta Frasch.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng vui mừng trao tặng Tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho bà Jutta Frasch và cho biết đây là phần thưởng đặc biệt của Bộ Xây dựng tặng



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - Bà Jutta Frasch

một người đặc biệt đó Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng mong muốn với năng lực, kinh nghiệm cũng như sự am hiểu về Việt Nam, Đại sứ Jutta Frasch sẽ tiếp tục là cầu nối quan trọng thúc đẩy mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Đức nói chung, mối quan hệ giữa doanh nghiệp ngành Xây dựng 2 nước nói riêng.

Bày tỏ sự vui mừng khi đón nhận phần thưởng cao quý của ngành Xây dựng Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng

trao tặng, bà Đại sứ Jutta Frasch cho biết: “Tôi rất quý trọng sự hợp tác nhiều năm với Bộ Xây dựng nhất là trong dự án công trình trọng điểm như Dự án ngôi nhà Đức, Dự án Nhà Quốc hội. Đây là những công trình đầy ấn tượng do nhóm kiến trúc sư và một số đối tác Đức tham gia. Tôi cũng hy vọng Hiệp định đối tác Thái Bình

Dương và hoạt động thành lập Phòng Thương mại công nghiệp hỗn hợp Việt - Đức sớm được thông qua sẽ mang lại nhiều cơ hội và triển vọng lớn hơn nữa giữa hai quốc gia”.

Trần Đình Hà

Hội nghị công bố Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng

Ngày 29/7/2015, tại trụ sở Bộ Xây dựng, đồng chí Huỳnh Phong Tranh - Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, Trưởng Đoàn công tác số 7 đã chủ trì Hội nghị công bố Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2015 tại Bộ Xây dựng

Tham dự Hội nghị có đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Phạm Hồng Hà - Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Lê Quang Hùng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Hà Ngọc Chiến - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương, Phó Trưởng Đoàn công tác số 7.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Huỳnh Phong Tranh cho biết, trong thời gian từ 23/6-29/7, Đoàn Kiểm tra số 7 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác PCTN tại Bộ Xây dựng và 07 cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, gồm: Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Viện Kinh tế xây dựng, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị (HUD), Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM), Tổng



Đồng chí Huỳnh Phong Tranh phát biểu tại Hội nghị

Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO). Trên cơ sở Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Báo cáo của 07 đơn vị mà Đoàn đến làm việc và thông tin của các cơ quan chức năng, qua quá trình làm việc tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, và tham vấn ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Đoàn Kiểm tra đã hoàn thành Báo cáo kết luận để trình Ban Chỉ đạo TW về PCTN.

Qua việc kiểm tra tại Bộ Xây dựng, đồng chí Huỳnh Phong Tranh đánh giá cao vai trò cũng như những nỗ lực của Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng. Các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng đã được Bộ Xây dựng cụ thể hóa bằng các văn bản quản lý phù hợp với đặc điểm của ngành Xây dựng.

Báo cáo kết luận của Đoàn Kiểm tra nêu rõ: "Công tác phòng chống tham nhũng đã được Ban cán sự Đảng, Đảng ủy, lãnh đạo Bộ Xây dựng nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và thực hiện nghiêm túc, với quyết tâm chính trị cao. Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng đã có sự phối hợp tốt với Đảng ủy Bộ Xây dựng. Nhiều giải pháp phòng ngừa tham nhũng đã được Bộ Xây dựng thực hiện quyết liệt, đạt được kết quả tích cực như công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống tham nhũng... nhận thức của đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong Bộ Xây dựng về tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng đã được nâng lên một bước".

Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng đánh giá các cấp ủy, tổ chức đảng và lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng (các đơn vị được kiểm tra) cơ bản đã thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng cũng như quan tâm nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức...

Bên cạnh đó, Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 tại Bộ Xây dựng cũng nêu lên một số hạn chế trong công tác phòng chống tham nhũng tại Bộ Xây dựng khi một số đơn vị thuộc Bộ chưa thực hiện đồng bộ và kịp thời các giải pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng đã được Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ đã quán triệt...

Để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động phòng chống tham nhũng trong thời gian tới, Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng đề nghị Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng tiếp tục chỉ đạo, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong phòng chống tham nhũng, kiên quyết thực hiện thành công các giải pháp phòng



Toàn cảnh Hội nghị

chống tham nhũng đã được đề ra. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, bám sát những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tuyên truyền đã được đề ra trong Kế hoạch hàng năm của Bản chỉ đạo, của Chính phủ...

Đồng tình với Kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác PCTN năm 2015 tại Bộ Xây dựng của Đoàn công tác số 7, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng sẽ chú trọng thực hiện những ý kiến đề nghị của Đoàn công tác nêu trong Kết quả kiểm tra.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết Bộ Xây dựng luôn xác định PCTN là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời thường xuyên điều tra, giám sát, nâng cao chất lượng đấu tranh PCTN nhằm loại bỏ những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực ra khỏi bộ máy quản lý nhà nước của Bộ.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định Bộ Xây dựng không chỉ đấu tranh PCTN trong phạm vi Cơ quan Bộ mà trên toàn quốc thông qua việc quan tâm hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đầu tư xây dựng... đồng thời nhận định định công tác PCTN là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Phạm Hồng Hà làm việc với Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị

Ngày 17/7/2015 Thứ trưởng Phạm Hồng Hà cùng đoàn công tác Bộ Xây dựng có buổi làm việc với lãnh đạo Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC) về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 và kết quả thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015” (viết tắt là Đề án 1961).

Đổi mới quy chế hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu mới

Thời gian qua, Học viện AMC tích cực triển khai mở rộng giảng dạy theo mô hình đào tạo do WB tài trợ, chú trọng phương pháp xử lý tình huống. Đồng thời sửa đổi bổ sung quy chế quản lý đào tạo phù hợp với tình hình phát triển của Học viện. Đề thi, kiểm tra được Học viện xây dựng theo xu hướng mở, suy luận. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Học viện đã thực hiện 1.833 tiết giảng dạy, chỉnh sửa các tài liệu của Đề án 1956, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế... Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2015, Học viện AMC gặp nhiều khó khăn do ngân sách Nhà nước, ngân sách địa phương cũng như nguồn vốn mà doanh nghiệp dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng bị thu hẹp...

Đối với việc thực hiện Đề án 1961, đến nay đã có 4 bộ tài liệu thuộc Đề án được Bộ Xây dựng thẩm định, nghiệm thu và ban hành, đó là bộ tài liệu dành cho 4 đối tượng 4, 5, 7, 8 thuộc Đề án. Ngoài ra, 2 tài liệu đã được nghiệm thu cơ sở, đang trình Bộ Xây dựng tổ chức nghiệm thu (dành cho đối tượng 3, 6). Hai bộ tài liệu còn lại (dành cho đối tượng 1, 2) đang được hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu cơ sở. Đến nay, Học viện AMC đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về việc đào tạo 3 lớp giảng viên nguồn cho các địa phương, dự kiến các lớp này



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc với Học viện AMC

sẽ được mở ở cả 3 miền: Bắc, Trung, Nam vào cuối tháng 7, đầu tháng 8/2015.

Đề án 1961 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2010 nhằm mục tiêu đến năm 2015, 100% công chức lãnh đạo đương nhiệm, công chức đô thị các cấp thuộc 750 đô thị trên cả nước được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý xây dựng và phát triển đô thị. Trong đó, Bộ chương trình tài liệu là một trong những nội dung quan trọng nhất, mang yếu tố quyết định thành công của Đề án. Nội dung Bộ chương trình tập trung vào 6 lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn, quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật, môi trường đô thị và vấn đề các ảnh hưởng do biến đổi khí hậu toàn cầu, quản lý đô thị, bảo tồn di sản đô thị, quản lý đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản, tài chính xây dựng đô thị.

Tuy nhiên đến nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên tiến độ thực hiện Đề án còn chậm. Đánh giá về tiến độ triển khai Đề án này, ông Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ Môi trường (Bộ Xây dựng) cho biết: Hiện nay, tiến độ triển khai Đề án 1961 chưa được như kỳ vọng. Học viện vẫn chủ yếu xoay quanh đề xuất về chương trình tài liệu". Theo ông Hòa, Học viện AMC cần phải đổi mới

các quy chế hoạt động cũng như cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm

Nhấn mạnh vai trò quan trọng của Học viện AMC trong việc giúp Bộ Xây dựng hoàn thành những nhiệm vụ của mình, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà yêu cầu Học viện AMC phải xây dựng kế hoạch ngắn hạn cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Học viện.

Thứ trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu: "Giữa chức năng đào tạo và nghiên cứu, trước mắt Học viện AMC phải tập trung vào đào tạo. Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó việc xác định đối tượng đào tạo là then chốt, quyết định sự thành công của Học viện. Sau khi xác định được đối tượng đào tạo, Học viện cần xây dựng phương pháp, hình thức đào tạo cho phù hợp. Trong đó, cần chú trọng ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ của Bộ Xây dựng, của ngành Xây dựng".

Để nâng cao chất lượng Học viện AMC, Thứ

trưởng Phạm Hồng Hà yêu cầu lãnh đạo Học viện đặt ra nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng vị trí, từng chức danh cụ thể của Học viện. Bên cạnh đó, Thứ trưởng chỉ đạo Học viện AMC phải xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu tương xứng với tầm vóc của Học viện. "Số lượng cán bộ phải đủ, chất lượng và cơ cấu phải tổ chức phải đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng" - Thứ trưởng Phạm Hồng Hà nói về yêu cầu trong xây dựng, tổ chức bộ máy nhân sự của Học viện AMC.

Đối với Đề án 1961, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà yêu cầu Học viện AMC phải tổng hợp báo cáo, đánh giá toàn diện về việc thực hiện triển khai, đồng thời chỉ đạo: "Chỉ trừ hoạt động thẩm định phê duyệt các Chương trình thuộc Đề án, còn lại các hoạt động khác thuộc Đề án 1961 đều tạm dừng, nhằm tập trung tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động sau 5 năm triển khai Đề án".

Trần Đình Hà

Hội thảo góp ý kiến nghị sửa đổi, thay thế Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ

Ngày 17/7/2015, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo góp ý kiến nghị sửa đổi, thay thế Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, các địa phương và một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, quản lý và vận hành nghĩa trang. Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng - PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.



Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến chủ trì Hội thảo

Qua khảo sát và tổng kết thực tiễn thực hiện cho thấy, bên cạnh những mặt tích cực, Nghị định số 35/2008/NĐ-CP cũng bộc lộ một số hạn chế, ví dụ như chưa quy định cụ thể về nội

dung nhiệm vụ, nội dung quy hoạch nghĩa trang, cũng như trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch nghĩa trang; chưa đề cập đến vấn đề cơ sở hỏa táng trong quy hoạch nghĩa trang; chưa có quy định về quản lý, sử dụng đất nghĩa trang cũng như về định giá đất mộ, mua bán, chuyển nhượng đất mộ, quy định về hợp đồng dịch vụ; chưa có các quy định về chi phí lập quy hoạch, chi phí đầu tư xây dựng, chi phí dịch vụ nghĩa trang và hỏa táng...

Theo đề xuất của Cục Hạ tầng kỹ thuật - đơn vị chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 35/2008/NĐ-CP, Dự thảo Nghị định sửa đổi về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; sửa đổi điều 6 về chính sách đất đai và các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; sửa đổi Điều 9, 10 về quy hoạch nghĩa trang vùng, quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, và bổ sung Điều 10a quy định về đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; bổ sung điều 17a về cơ sở hỏa táng và quản lý, sử dụng đất nghĩa trang; sửa đổi, bổ sung Điều 19 về quản lý chi phí, Điều 20 về giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng; bổ sung Điều 23a quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng...

Hội thảo đã nghe ý kiến phát biểu của các đại biểu thuộc khu vực doanh nghiệp, khu vực quản lý nhà nước tại các địa phương, cũng như ý kiến của đại diện các Bộ, ngành về dự thảo Nghị định sửa đổi. Nhìn chung các ý kiến phát biểu thống nhất việc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế Nghị định số 35/2008/NĐ-



Toàn cảnh Hội thảo

CP, và đồng tình với hầu hết các đề xuất sửa đổi của Cục Hạ tầng kỹ thuật. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng đóng góp những ý kiến cho các điều khoản cụ thể của dự thảo Nghị định và có những đề xuất đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu để đưa vào Nghị định mới.

Phát biểu tổng kết Hội thảo, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Nguyễn Hồng Tiến đã tóm tắt các ý kiến đóng góp của các đại biểu dự Hội thảo và đề nghị Ban soạn thảo, tổ biên tập nghiên cứu, tiếp thu. Về một số nội dung còn có ý kiến khác nhau như vấn đề khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường, quy định giành 20% diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang cho mục đích công cộng hoặc quy định về lợi nhuận định mức của chủ đầu tư, hay cơ chế chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng của chủ đầu tư... sẽ được Ban soạn thảo tiếp tục nghiên cứu và lấy ý kiến rộng rãi hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Minh Tuấn

Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến 2035, tầm nhìn 2050

Ngày 20/7/2015, tại tỉnh Bình Định, Bộ Xây dựng phối hợp với UBND tỉnh Bình Định tổ chức hội nghị công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch

chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Điều chỉnh quy hoạch), với sự tham dự của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam.



Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam trao hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 cho đại diện lãnh đạo tỉnh Bình Định



Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh khảo sát thực tế một số khu vực phát triển đô thị của TP Quy Nhơn

Tại hội nghị, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đọc Quyết định. Theo đó, sẽ chú trọng đầu tư phát triển Quy Nhơn trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia vào năm 2035...

Xây dựng Quy Nhơn thành trung tâm kinh tế biển

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phạm vi điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 có diện tích khoảng 67.788 ha, gồm: Thành phố Quy Nhơn hiện hữu, diện tích khoảng 28.553ha, huyện Tuy Phước có diện tích khoảng 21.713ha, hai xã Canh Vinh và Canh Hiển (huyện Vân Canh) có diện tích khoảng 13.676 ha, xã Cát Tiến, Cát Chánh và một phần xã Cát Hải (huyện Phù Cát) có diện tích khoảng 3.847 ha. Ranh giới khu vực quy hoạch được giới hạn: Phía Bắc giáp huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, phía Tây giáp thị xã An Nhơn, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp thị xã Sông Cầu (tỉnh Phú Yên).

Theo Điều chỉnh quy hoạch, thành phố Quy Nhơn được xây dựng với tính chất là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định. Là một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, nghiên cứu

và ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ của vùng Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, là đầu mối giao thông đường thủy, đường bộ quan trọng của vùng Nam Trung Bộ và là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông, là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Điều chỉnh quy hoạch này nhằm mục tiêu đến năm 2025 đưa thành phố Quy Nhơn trở thành một trong các đô thị trung tâm của vùng duyên hải miền Trung, phát triển theo định hướng công nghiệp - cảng biển - dịch vụ - du lịch, đến năm 2035, đưa Quy Nhơn thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, phát triển theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch. Mục tiêu đến năm 2050, Quy Nhơn trở thành thành phố có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị quốc gia và khu vực Đông Nam Á, là một trong những trung tâm phát triển lớn của khu vực Trung Bộ, có nền kinh tế phát triển theo định hướng du lịch - dịch vụ - cảng biển - công nghiệp, trọng tâm là du lịch - dịch vụ - cảng biển, có sức hút đầu tư lớn và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực y tế, giáo dục...

Phát triển Quy Nhơn theo mô hình đô thị đa trung tâm

Theo Điều chỉnh quy hoạch vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận sẽ được phát triển theo mô hình đô thị đa trung tâm với 2 trung tâm chính là thành phố Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội.

Trong đó, thành phố Quy Nhơn là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định, một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Khu kinh tế Nhơn Hội là động lực phát triển cho thành phố Quy Nhơn, khu vực phụ cận và vùng Nam Trung Bộ, được quản lý xây dựng theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các khu vực đô thị phát triển có cấu trúc mở, liên kết với nhau bằng hệ thống giao thông vùng.

Trong tương lai, khu vực trung tâm hiện hữu Quy Nhơn sẽ được hiện đại hóa theo hướng tập trung, cao tầng, chuyển đổi các khu đất giáo

dục, y tế, quốc phòng, cơ quan dọc bãi biển trên đường Xuân Diệu, đường An Dương Vương sang đất thương mại và dịch vụ du lịch chất lượng cao. Cùng với đó, khu ven biển xây dựng các công trình hỗn hợp có chức năng chủ yếu là dịch vụ du lịch, xây dựng trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch cao cấp dọc đường Nguyễn Tất Thành.

Cũng theo nội dung Điều chỉ quy hoạch, thành phố Quy Nhơn sẽ hình thành khu vực phát triển mới ở phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Nhơn Bình, Nhơn Phú. Tại đây sẽ xây dựng khu đô thị mới tập trung, tiện nghi phục vụ nhu cầu ở đô thị và đáp ứng nhu cầu ở của công nhân lao động tại khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ và phụ cận. Hình thành các trung tâm công cộng cấp vùng về đào tạo, y tế, thể dục thể thao, khai thác cảnh quan hồ Bàu Lát thành công viên đô thị, hình thành trục không gian xanh kết nối các trung tâm công cộng vùng với vùng cảnh quan sông Hà Thanh và núi Vũng Chua...

Trần Đình Hà

Quá khứ không thể bị lãng quên

Những tòa nhà cổ kính là ký ức về quá khứ được lưu giữ tại mỗi thành phố ở khắp nơi trên Trái đất. Về vai trò di sản kiến trúc của những công trình này, GS.Viện sỹ D.Likhachev -Chủ tịch danh dự Hội đồng Di sản quốc gia Nga từng phát biểu: “Mỗi góc phố, mỗi quảng trường, mỗi dòng kênh và mỗi căn nhà đều gợi nhớ, và trở thành một phần xúc cảm về quá khứ trong thế giới tâm hồn của con người. Gìn giữ những cảm xúc thiêng liêng đó chính là cách dạy cho con người kính trọng các bậc tiền bối, đồng thời nhắc nhở họ cần để lại gì cho con cháu mai sau”.

Suy nghĩ trên không phải ai cũng có, nhất là với những người chỉ nói về các giá trị của những công trình kiến trúc cổ xưa mà ít quan tâm tới việc cần làm gì để giữ gìn những giá trị đó.

Tác giả bài viết đã có dịp trò chuyện cùng bà Irina Zaika - Thư ký Hội đồng Di sản quốc gia - về vấn đề tại nhiều thành phố của Nga hiện nay, ký ức về quá khứ đang bị xâm hại nghiêm trọng không chỉ bởi thời gian mà bởi chính con người. Bà Irina cho biết: Liên bang Nga đã lập Quỹ văn hóa UNESCO để bảo vệ những công trình cần bảo vệ đặc biệt; một trong những địa danh được nhắc đến đầu tiên là toàn bộ thành phố Iaroslavl. Được thành lập từ năm 1010, thành phố cổ nhất Liên bang sở hữu rất nhiều kiến trúc lịch sử độc đáo. Bên cạnh khá nhiều tòa nhà có từ thế kỷ XVI - XIX, đa số các công trình khác ở nơi đây cũng được xây theo phong cách kiến trúc truyền thống. Nhưng thực trạng các công trình đó giờ ra sao? Bà Irina dẫn



Kiến trúc gỗ độc đáo của Iaroslavl

chứng số phận buồn của công trình di sản văn hóa, biểu tượng của thành phố - Ngôi nhà của Vlasevnaya Tolubevnaya. Tháng Giêng năm ngoái, tại ngôi nhà hai tầng này, một mảng tường gạch lớn phía trước trên tầng hai đã bị đổ sập. Đã từng có một cuộc khảo sát tính chất văn hóa - lịch sử của ngôi nhà này, và sau cuộc khảo sát đó, theo chúc năng nhiệm vụ, Sở văn hóa địa phương cần tiến hành sửa chữa cơ bản gấp. Vốn ngân sách đổ vào đây ước tính không nhỏ - xấp xỉ 7,5 triệu rúp. Và từ đó tới nay, đã hơn một năm trôi qua, bức tường trên tầng hai của ngôi nhà vẫn toác một chỗ hổng lớn, luôn là nguy cơ rình rập cho những ngôi nhà xung quanh. Bằng mắt thường cũng có thể quan sát rõ sự xuống cấp nghiêm trọng của móng và mái nhà.

Giống như những di tích kiến trúc khác, Ngôi nhà của Vlasevnaya Tolubevnaya nằm trong diện bảo vệ cấp quốc gia. Tấm biển gắn ngoài mặt tiền của ngôi nhà có ghi rõ: Những ai gây hư hại cho công trình di sản văn hóa sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật Liên bang Nga. Số phận trong tương lai của ngôi nhà này sẽ ra sao? Khi nào việc sửa chữa cơ bản sẽ được tiến hành? Ai phải chịu trách nhiệm chính cho những hư hại của biểu tượng một trong những thành phố cổ kính nhất của nước Nga? Câu hỏi đến nay vẫn chưa thể giải đáp.

Trong câu chuyện, bà Irina còn nhắc tới công tác bảo tồn di tích di sản tại Saint Peterburg và vùng Lenigrad. Hội đồng Di sản quốc gia đã đấu

tranh thắng lợi với Tập đoàn Gazprom khi Tập đoàn này lên kế hoạch xây dựng ngay tại trung tâm thành phố một tòa cao ốc văn phòng, nhiều khả năng che lấp toàn bộ những công trình cực kỳ giá trị của “thủ đô phía Bắc” nước Nga. Các thành viên Hội đồng khi đó tin tưởng thành phố đã được cứu thoát khỏi nguy cơ hiển hiện. Song mọi việc chưa phải đã kết thúc.

Ngày 29/12/2014, một nhóm đại diện cho các nhà hoạt động xã hội của Saint Peterburg đã gửi đến UNESCO và Hội đồng châu Âu bản kiến nghị can thiệp bảo vệ số phận hai quần thể cung điện - công viên tại quận Lomonosov, vùng Leningrad. Đây là hai công trình đặc biệt giá trị, đã được đưa vào danh mục công trình di sản thế giới của UNESCO năm 1989. Vấn đề này rất nghiêm trọng; bởi vì những di tích đã được UNESCO xếp hạng đồng nghĩa là Chính phủ Liên bang Nga đang phải chịu trách nhiệm không chỉ trước người dân Nga mà trước cả cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn các công trình này.

Tại Saint Peterburg, còn rất nhiều công trình di tích khác đang mấp mé ngưỡng bị thời gian, và bị chính sự vô tâm, thờ ơ với quá khứ của con người hủy hoại.

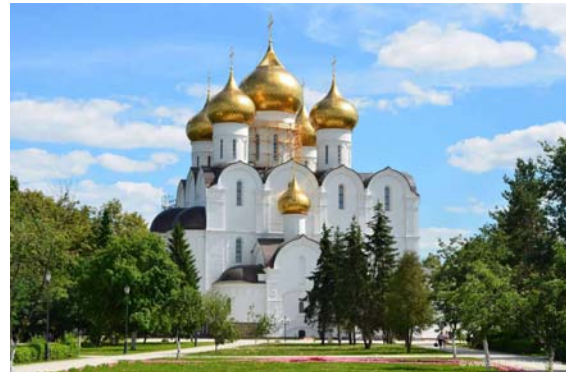
Bà Irina nhấn mạnh: Nga đã tham gia ký kết hai công ước quốc tế về bảo vệ di sản lịch sử và văn hóa. Năm 1988, Nga (khi đó là Liên Xô) đã phê chuẩn công ước về bảo vệ di sản thiên nhiên và di sản văn hóa thế giới của UNESCO. Năm 1990, Nga tiếp tục phê chuẩn công ước về bảo vệ di sản kiến trúc châu Âu của Hội đồng châu Âu.

Danh mục các di sản thế giới của UNESCO bao gồm rất nhiều công trình có giá trị khác ở các khu vực lân cận quanh thành phố; nhiều công trình trong đó hầu như đã không còn tồn tại, ví dụ khu trang trại của gia đình Zinovev trong khu rừng bên sông Neva hay quần thể lâu đài - công viên Mikhailovka tại Petergof.

Một số công trình khác - như các lâu đài tại Gostilis và Rolsh - dù mái đổ sập, tường bị vỡ

nhiều chỗ vẫn có thể khôi phục được vì mới ở ngưỡng xuống cấp. Song cần có những biện pháp kịp thời và cương quyết. Các công trình này đều nằm trong danh mục các công trình được bảo vệ ở cấp quốc gia. Song nhìn lại sự thăng trầm trong lịch sử tồn tại của các công trình, những người tâm huyết với lịch sử Nga không khỏi xót xa. Lâu đài Rolsh là một ví dụ: cho tới trước thập kỷ 90 thế kỷ XX, tòa lâu đài này vẫn trong tình trạng khá tốt, thuộc quyền quản lý của nhiều tổ chức khác nhau. Tuy nhiên trong vòng 20 năm trở lại đây, dưới sự giám sát của nhà nước, công trình cực kỳ giá trị về mặt lịch sử này gần như biến thành một đồng đố nát. Hiện trạng này cần phải báo động. Trong bản kiến nghị đệ trình UNESCO và Hội đồng châu Âu cũng nêu rõ: tất cả các giải pháp khả thi khác đều không mang lại hiệu quả. Chính phủ Nga hầu như không có một động thái nào chứng tỏ sẽ khẩn trương áp dụng các biện pháp nhằm cứu những di sản nổi tiếng Rolsh và Gotilis. Những cá nhân và tổ chức ký tên trong bản kiến nghị này đều chung mong muốn: các tổ chức quốc tế sẽ tìm ra những giải pháp phù hợp tác động tới Chính phủ Liên bang Nga, buộc Chính phủ nước này tuân thủ những yêu cầu của quốc tế về vấn đề bảo vệ di sản lịch sử và văn hóa.

Nếu như các công trình thuộc diện cần được bảo vệ đặc biệt như các lâu đài nổi tiếng của vùng Leningrad đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại, thì tại nhiều thành phố khác trên khắp nước Nga sự việc cũng không kém phần nghiêm trọng. Tại thành phố cổ Uglich, các di tích kiến trúc đang bị thời gian và chính con người tàn phá. Rất nhiều di tích tại đây thuộc sở hữu tư nhân, nên việc khôi phục không phải là gánh nặng quá lớn đối với ngân sách. Trách nhiệm bảo vệ đối với mỗi công trình buộc các chủ sở hữu phải quan tâm tới việc bảo dưỡng bảo trì công trình đó, đồng thời tiến hành trùng tu tôn tạo. Về phía mình, chính quyền thành phố không có những giải pháp ủng hộ thích đáng, mà đôi khi lại cản trở các công dân thực



Nhà thờ Đức Bà - công trình hơn 300 năm tuổi của Iaroslavl

hiện nghĩa vụ của mình.

Hơn một năm trước đây, hai tòa nhà được xây từ cuối thế kỷ XVIII tại trung tâm thành phố đã được chuyển quyền sở hữu cho tư nhân. Những người chủ mới cần tức khắc bắt tay vào việc tu sửa các ngôi nhà này, tuy nhiên việc đó không diễn ra. Hơn thế, một trong hai ngôi nhà chịu hỏa hoạn vào mùa hè năm ngoái. Chủ sở hữu hiện tại của các công trình cổ này đã tuyên bố với báo chí rằng trong vòng 02 năm tới đây sẽ không có một hoạt động tu bổ nào cả. Chính quyền thành phố dự định đưa vụ việc ra Tòa; song cho tới nay mọi việc vẫn chìm trong im lặng.

Như vậy có thể thấy rằng việc chuyển quyền sở hữu các công trình cổ cho tư nhân trong một khoảng thời gian nhất định (trong thời hạn đó, cá nhân cần bảo đảm trách nhiệm quan tâm đến các di tích kiến trúc) một mặt nào đó là hướng giải quyết đúng đắn. Song nếu nhà nước không thể hiện rõ vai trò quản lý và điều tiết của mình, sự việc sẽ trở nên rắc rối phức tạp vô cùng.

Oskol là một thị trấn nhỏ cổ kính không xa thành phố Belgorod. Nơi đây, trên các đường phố còn lưu giữ khá nhiều di tích kiến trúc. Tuy nhiên, vì lợi ích kinh tế của các chủ sở hữu cũng như sự thiếu quan tâm của quan chức địa phương, các công trình cổ đang dần xuống cấp trong con mắt người dân thị trấn. Theo Luật Liên bang "Về vấn đề bảo vệ và khai thác các di tích lịch sử văn hóa" cũng như theo Hiến pháp Nga, việc bảo vệ các di tích thuộc về di

sản văn hóa là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước. Song trên thực tế, các di tích này đang phải hứng chịu sự cố ý lãng quên.. Có thể lấy nhà số 4 trên phố Lenin - công trình tồn tại từ giữa thế kỷ XIX - làm ví dụ. Người dân xung quanh từ rất lâu đã lo ngại phản ánh với cơ quan chức năng về tình trạng ngôi nhà. Kết quả là chủ sở hữu công trình di tích này - một doanh nhân sống và làm việc tại Moskva - chỉ phải chịu phạt 30 nghìn rúp vì lỗi “bỏ quên di tích”. Sau đó, doanh nhân này đã cho cưa xẻ gỗ, phá dỡ cửa vào và dựng hàng rào kín mít quanh ngôi nhà. Một năm nữa trôi qua, ngôi nhà ngày càng trở nên hoang phế - các mái hiên, tường và trần nhà bị nứt vỡ nhiều; các góc nhà xuất hiện vết nứt loang sâu dần. Cho tới nay, công trình vẫn thuộc sự bảo vệ cấp quốc gia, có tên trong danh mục các công trình di sản văn hóa quốc gia. Nhưng đó là trên giấy tờ; trong thực tế ngôi nhà không cần thiết cho cả chính quyền thành phố lẫn ông chủ hợp pháp. Theo kết luận mới đây nhất của các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, việc tu bổ cho ngôi nhà đã quá muộn để cứu vãn tình thế. Có mặt trong buổi thẩm định hiện trạng ngôi nhà, Giám đốc Sở Văn hóa thành phố Belgorod - bà Liudmila Kravsova cho biết: ngôi nhà đã trở nên nguy hiểm, các vết nứt chạy khắp móng và nền. Ở thời điểm hiện tại không thể tiến hành bất cứ hoạt động sửa chữa hay phục dựng nào, chỉ có thể và cần phải phá dỡ, sau đó xây mới.

Ngôi nhà không nằm trong chương trình của Liên bang về phục dựng các di tích; còn chủ sở hữu cũng tuyên bố không có tiền để tiến hành trùng tu tôn tạo. Và vấn đề lấy nguồn vốn ở đâu cho công trình đang kêu cứu vẫn đang bế tắc.

Đó là tại những vùng xa xôi hẻo lánh. Tình hình không sáng sủa hơn ngay cả ở Thủ đô Moskva. Tại quận Orekhovo, di tích kiến trúc tuyệt đẹp - tháp chuông tu viện nam Slaso Preobrazhenskiy đang trong tình trạng báo động, gây nguy cơ lớn cho người dân khu vực lân cận. Gạch xây tường “bay” xuống nhiều lần

từ độ cao 56 m. Đã có phương án “bọc” tháp chuông trong một lớp áo gỗ, nhưng gió đã giật “áo” tan tành. Đối với người dân quận Orekhovo, mất đi tháp chuông đồng nghĩa với đánh mất biểu tượng.

Kinh nghiệm đất giá nước Nga đã và đang trải qua - cần học cách ứng xử trân trọng với nền văn hóa trong quá khứ. Tác giả bài báo đã có dịp đi khắp các nước châu Âu. Tại Paris, London và nhiều thành phố khác, tác giả đã áp ủ một câu hỏi: xây dựng một ngôi nhà với quá khứ lịch sử tại các thành phố này có phức tạp quá không? Câu trả lời như nhau: không chỉ là phức tạp, mà là không thể. Tất cả những khối nhà đều mang tính lịch sử. Bất cứ sự cách tân nào cũng chỉ được phép diễn ra bên trong.

Một khía cạnh khác cũng tiềm ẩn nguy cơ đối với các di tích lịch sử. Đó là tại nhiều thành phố, mật độ xây dựng quá lớn, những ngôi nhà cao tầng bủa vây xung quanh sẽ làm mất đi không gian lịch sử, “che khuất” và “nhấn chìm” công trình di tích. Đấu tranh với việc xây dựng tràn lan này là một quá trình gian khó. Rất nhiều di tích tại Moskva và những thành phố lớn nhiều năm tuổi khác của Nga đang đứng trước nguy cơ này. Chính quyền Thủ đô đã thông qua một đạo luật, trong đó quy định xử phạt đối với hành vi xâm phạm các di tích kiến trúc; mức xử phạt có thể lên tới 20 triệu rúp. Đối với hành vi xâm phạm các công trình di sản văn hóa đặc biệt giá trị, hoặc các công trình được đưa vào danh mục di sản thế giới, mức phạt đang được xem xét nâng lên 60 triệu rúp. Hy vọng trong tương lai, Moskva và cả nước Nga nói chung sẽ áp dụng những hình thức chế tài nghiêm khắc đối với việc xây dựng cao tầng, xây dựng thương mại tại những khu vực có giá trị lịch sử cần được bảo vệ.

V. Klimov

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 22
(30/5/2014)*

ND: Lê Minh

Trung Quốc sử dụng “khái niệm thấp cacbon” để hoàn thiện mô hình đô thị hóa

Viện Khoa học Trung Quốc dự kiến đến năm 2050, Trung Quốc sẽ hoàn tất quá trình đô thị hóa, nhưng thực tế phán đoán đến năm 2030 sẽ đạt đến trạng thái ổn định.

Đô thị hóa ở châu Âu đã đạt đến trình độ cao, trong khi ở Trung Quốc mới chỉ dừng ở mức độ trung bình và khái niệm thấp cacbon. Trung Quốc hi vọng có thể thực hiện mô hình đô thị hóa độc đáo và tốt hơn các quốc gia khác trên thế giới.

1. Đô thị hóa và mô hình chuyển đổi công nghiệp của Trung Quốc mới chỉ dừng ở mức độ trung bình

Tại diễn đàn quốc tế lần thứ 3 về đô thị thấp cacbon ở Thâm Quyến, trong tham luận với chủ đề “Nghiên cứu phát triển đô thị mới cùng với môi trường văn minh sinh thái”, bà Diệp Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn Nghiên cứu xây dựng thành phố Thâm Quyến - đã nhấn mạnh: “Đô thị hiện nay ở Trung Quốc có quá nhiều chức năng, chức năng cao nhất là chức năng văn hóa. Để khôi phục chức năng sống của nó, cần hướng về mục tiêu đô thị thấp cacbon. Bản chất của đô thị sinh thái là mâu thuẫn, trên lý thuyết nó là một hệ thống tự nhiên, nhưng trên thực tế lại phải sử dụng công nghệ văn minh hiện đại để tái tạo cân bằng, cân bằng giữa âm và dương”. Cuộc cách mạng cải cách công nghiệp lần thứ 3 thế giới đang đến, mà lần này sẽ xảy ra ở Trung Quốc, Trung Quốc cần sớm hoàn tất quá trình đô thị hóa. Năm 1960, tỷ lệ đô thị hóa ở London đạt 52%, trong khi Trung Quốc vào năm 2012 mới đạt được như vậy.

Hiện nay, tổng lượng nhân khẩu của đô thị hóa Trung Quốc tương đương với diện tích lãnh thổ Trung Quốc, từ nông thôn đến thành thị, từ thành thị đến ngoại thành đều tăng gấp đôi và cũng có thể nhận thấy con đường thực hiện đô thị hóa tại các tỉnh thành của Trung Quốc không

giống nhau. Phương thức sống sẽ được đặt trên mục tiêu cốt lõi là thấp cacbon, không chỉ xoay quanh phương thức sản xuất công nghiệp như trước đây, toàn người dân Trung Quốc phải cùng nhau vượt qua, dựa trên các tiến bộ của khoa học và công nghệ, công sinh hòa hợp, bản chất của mạng internet chính là để kết nối vạn vật lại với nhau, từ “lớn” thay đổi thành “vi mô” từ nhận thức luận cùng với phương pháp luận, quá trình giai đoạn đô thị hóa của Trung Quốc sẽ trở nên độc đáo trên thế giới”

2. Chỉ số sinh thái đô thị phù hợp với môi trường sống

5 năm trước, Tập đoàn nghiên cứu xây dựng thành phố Thâm Quyến đã thành lập 1 nhóm nghiên cứu để tiếp tục thực hiện công tác nghiên cứu chuyên sâu và theo dõi 287 thành phố, đánh giá chỉ số phát triển sinh thái phù hợp với môi trường sống (chỉ số tốt nhất), hàng năm đều công bố sách trắng (Sách trắng hay bạch thư (từ cổ)) là một bản báo cáo hoặc bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền với mục đích giúp người đọc hiểu về một vấn đề, giải quyết một vấn đề hoặc ra một quyết định. Sách trắng được các chính phủ và ngành marketing cho doanh nghiệp (B2B) sử dụng), phương pháp này là thông qua quá trình và kết quả, thực hiện đánh giá thông qua hệ thống chỉ số 4 góc phần tư. Góc phần tư thứ nhất và góc phần tư thứ tư là tương đối tốt; góc phần tư thứ hai và thứ ba phản ánh bước đầu, quá trình phát triển. Trong suốt quá trình phát triển đô thị của Trung Quốc, năm 2011, đánh giá 72% đô thị thuộc tuýp bước đầu, đến năm 2015 đô thị thuộc tuýp bước đầu giảm xuống khoảng 1 nửa. Từ kết quả đánh giá của 9 thành phố lớn ở Trung Quốc cho thấy: các thành phố này tiếp cận theo hướng môi trường sinh thái, về cơ bản, đến năm 2015, sẽ tập trung tất cả ở góc phần tư thứ nhất và thứ tư.

3. Thay đổi cách tư duy theo hướng quản

Lý kết quả

Trong bài phát biểu của mình, bà Diệp Thanh chỉ ra: đô thị có thể mang lại hạnh phúc cho người dân, nhà ở và tài chính đại diện cho hạnh phúc này, con người không thể thực hiện mọi việc nếu không có kinh tế, nhưng với một gia đình văn hóa, thì có thể xem đây là tất cả các chức năng cốt lõi cần thiết. Ngoài ra, một khía cạnh không kém phần quan trọng nữa là công nghệ internet còn có thể giúp cho quá trình kiểm soát hướng tới việc quản lý kết quả .

Trước đây, Trung Quốc thường thông qua thiết kế, vật liệu, thi công, nghiệm thu xây dựng để kiểm soát dự án thực hiện có thực sự tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, có đúng là công trình xanh hay không? Trong thực tế, Tập đoàn nghiên cứu xây dựng thành phố Thâm Quyến có trong tay các kết quả theo dõi tại nhiều thời điểm, có thể tìm thấy các định mức về tiêu thụ năng lượng, sau khi xây dựng định mức, tiếp đến bắt đầu thực hiện các công việc cần thiết, tuy nhiên dựa vào điều gì để thực hiện liên kết? Trong thực tế, việc lựa chọn các nguồn lực, quy mô giao dịch, chẳng hạn như nhà máy đốt rác có mối quan hệ với các lĩnh vực ô nhiễm trong đô thị, có thể lựa chọn phương thức giao dịch để đàm phán các bên, làm sao phương thức được lựa chọn phải thật đơn giản, dễ dàng thực hiện hơn các phương án khác, mọi quản lý và kiểm soát của chính phủ đều bắt đầu từ quản lý đô thị, giữa các khu vực hành chính và sự thay đổi về quan niệm.

Trước đây ở Trung Quốc có bao nhiêu diện tích được phủ xanh? Có thể nói, trên các đường ray tàu hỏa có vô số cỏ dại mọc lên, hay hai bên đường sắt có các cánh rừng bạt ngàn, lượng hấp thụ cacbon dioxit, lượng ôxy đều khá nhau, trong thực tế, tỷ lệ hiệu quả của nó thể hiện ở tỷ lệ phủ xanh, các nhà khoa học của Nhật Bản đã nghiên cứu về tỷ lệ phủ xanh, trong một ngày nếu con người có thể nhìn thấy màu xanh từ 25% trở lên sẽ làm cho họ cảm thấy phấn chấn hơn, nếu hàng ngày chỉ nhìn

thấy màu xanh dưới 15% có thể gây ra bệnh tâm thần cho con người, đây chính là lý do vì sao bệnh trầm cảm tại các thành phố trên thế giới xảy ra ngày một nhiều.

Trên cơ sở này, Tập đoàn đã xem xét tới việc phủ xanh vào trong cộng đồng, vào các đường phố và vào cuộc sống của người dân. Làm thế nào để phát triển? làm thế nào để đầu tư? Đáp án chính là biện pháp kỹ thuật để giải quyết cho các vấn đề này như thế nào? việc làm này sẽ đòi hỏi cả một quá trình. Trước đây, quy hoạch truyền thống được dựa trên ý tưởng kế hoạch kinh tế, mà thị trường đất đai là định hướng của thị trường, do đó cần có sự chuyển đổi . Ngoài ra, các dữ liệu và phương tiện hoạt động thông minh, sẽ làm cho mô hình phát triển cũng trở nên khác nhau.

Từ năm 2013, diễn đàn quốc tế về đô thị thấp cacbon ở Trung Quốc đã được thực hiện, bắt đầu với việc hoàn thành xây dựng trong 180 ngày, Tập đoàn nghiên cứu xây dựng thành phố Thâm Quyến là một trong những đội ngũ thiết kế, cũng là đội ngũ thực hiện đô thị thấp cacbon. Trong giai đoạn đầu thiết kế, tiến hành khảo sát sinh thái, tìm hiểu dung lượng môi trường và nền móng sinh thái, sau đó, xem xét mang tính hội nhập với các dự án đầu tư của chính phủ, bao gồm các hoạt động phát triển con người. Bà Diệp Thanh cũng khẳng định, trong tương lai, Tập đoàn sẽ nâng cao quy hoạch sinh thái đối với đô thị Đông Quan, Lạc Dương, An Thuận,... sẽ thực hiện chiến lược đưa thiết kế quy hoạch đô thị và quốc gia hợp nhất lại với nhau, kêu gọi những người thực hiện quyết sách của Chính phủ cần chú trọng hơn tới việc giảm phát thải cacbon, phủ xanh vào trong xây dựng đô thị.

Vĩ Chi

*Nguồn: <http://www.zgghw.org>
(Trang Web Quy hoạch Trung Quốc,
ngày 25/6/2015)*

ND: Bích ngọc

Tình hình kiểm soát giá thuê nhà tăng tại các thành phố lớn của CHLB Đức

Trong 5-6 năm qua, giá thuê nhà tại một số thành phố lớn và các khu công nghiệp tập trung của Đức đã tăng 20% - 30% thậm chí là tới 40%. Để giải quyết tình trạng này, chính phủ Đức gần đây đã ban hành Nghị định kiểm soát giá thuê nhà tăng, dựa trên khái niệm “nhà ở không phải là hàng hóa”, thực hiện quy định rõ ràng để hạn chế tình trạng giá nhà cho thuê tăng đang diễn ra tại một số khu vực, đồng thời hướng dẫn các đối tượng có nhà cho thuê cần đưa ra mức giá phù hợp nằm trong khuôn khổ phát triển.

1. Tình trạng nhà ở cung không đủ cầu

Năm 2014, giá thuê nhà ở Đức đã tăng lên 1,3. Căn cứ theo dữ liệu thị trường cho thuê và nhà ở của Đức năm 2014 của Viện nghiên cứu không gian, đô thị và xây dựng, năm 2013, giá thuê nhà bình quân trên mỗi m² ở Đức là 6,8 EUR. Trên thực tế, trong 5 - 6 năm qua, giá thuê nhà tại các thành phố lớn ở Đức tăng đều đặn từ 20% - 40%, đây không phải là điều quá kinh ngạc, vì vậy, việc tìm nhà ở có giá thuê thấp tại các thành phố lớn hay khu công nghiệp tập trung là việc rất khó khăn.

Theo cơ sở dữ liệu thống kê, trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2014, giá thuê nhà cao nhất ở Munich là từ 12 EUR đến 14, EUR/m²; giá thuê ở Hamburg cũng tăng từ 9,8 EUR đến 11,3 EUR/m². So với các đô thị lớn có giá cho thuê luôn ở mức cao, Thủ đô Berlin do có điểm xuất phát thấp, từ năm 2008 giá cho thuê là 6,9 EUR/ m², liên tục tăng đến quý I của năm 2014 là 10,3 EUR/m², trong khi đó giá thuê nhà trong 5 năm của Volkswagen ở thành phố Wolfsburg cũng tăng 40,7%. Ví dụ như ở thành phố Cologne, một trong những thành phố lớn thứ 4 ở Đức, nơi đây có mật độ dân số khá đông, đối với một căn nhà có diện tích 83 m², giá thuê nhà mỗi tháng là gần 1.000 EUR, số tiền này chưa bao gồm điện, nước, sưởi ấm và

các chi phí khác, nhưng người dân vẫn thi nhau đổ xô đến xếp hàng để thuê.

Nguyên nhân chính khiến cho nhà ở tại các thành phố lớn của Đức trong những năm gần đây tăng cao là do: ngày càng có nhiều người dân Đức di cư đến các thành phố lớn và các khu vực đông dân cư khác, khiến cho nhà ở tại những khu vực này thiếu nguồn cung nghiêm trọng. Ngoài ra, tiền hoa hồng từ phía trung gian cũng tăng 1 phần gánh nặng cho người thuê nhà. Tiêu chuẩn hoa hồng cho trung gian là 2 tháng thuê nhà cùng với thuế thu nhập, hiện đều do người thuê nhà chi trả.

Trước tình hình căng thẳng của thị trường cho thuê nhà như vậy, cũng gây ra một cuộc tranh chấp trong dư luận. Năm 2013, trong chiến dịch bầu cử quốc gia gần đây nhất, thậm chí thị trường cho thuê nhà đã trở thành một vấn đề nóng, các đảng đối lập đã cạnh tranh trong việc giải quyết vấn đề này. Trước bối cảnh như vậy, cuối năm 2013, Chính phủ Đức hiện thời đã ký kết cam kết sẽ có các biện pháp xử lý phù hợp.

2. Nhà ở phi hàng hóa

Về khái niệm cơ bản của chính sách nhà ở, Chính phủ Đức càng nhấn mạnh hơn về loại hình nhà ở xã hội, không thuộc loại hình nhà ở hàng hóa. Như Bộ trưởng Tư pháp Đức - Heiko Maas đã từng nói: “Nhà ở không phải là hàng hóa, nhà ở là nhà của người dân, do đó không thể giao dịch giống như cổ phiếu trên sàn chứng khoán”. Xuất phát từ ý tưởng này, Chính phủ Đức đã ban hành Nghị định kiểm soát giá thuê nhà tăng, can thiệp trực tiếp vào quá trình hình thành giá cho thuê, hi vọng tìm được điểm cân bằng giữa lợi ích của chủ nhà và người đi thuê, kiểm soát giá cho thuê nhà quá cao, việc làm này giúp cho những người có thu nhập bình thường có khả năng tìm được nhà ở lý tưởng cho mình.

Quy định cốt lõi trong Nghị định là, những

khu vực thiếu nhà ở, tiền cho thuê lại nhà ở không được vượt mức tối đa 10% so với giá thuê nhà hiện hành trong khu vực. Theo quan điểm của người dân Đức về thị trường cho thuê nhà ở đã cho thấy sự khác biệt đáng kể trong khu vực, những khu vực nào có nền kinh tế kém phát triển, có hiện tượng di cư dân số trong khu vực, không cần thiết kiểm soát giá cho thuê.

“So sánh giá thuê nhà hiện hành trong khu vực” (chỉ số giá nhà ở cho thuê) phản ánh mức giá trung bình với thị trường cho thuê nhà ở trong khu vực. Hiện nay, hầu hết các thành phố lớn của Đức đã xây dựng chỉ số giá cho thuê nhà trong nhiều năm qua. Đối với việc xây dựng chỉ số đều có yêu cầu nhất định, ví dụ, cứ 2 năm, căn cứ vào tiêu chuẩn phù hợp khoa học xây dựng 1 lần, nhưng nhất thiết phải được sự công nhận bởi các nhóm xã hội khác nhau tại địa phương.

Tuy nhiên, chỉ số này luôn là vấn đề gây tranh cãi, ví dụ, xây dựng tiêu chuẩn có được rõ ràng và hợp lý? Nhiều đô thị, căn cứ vào 4 năm qua để tính toán chỉ số, phương pháp thực hiện của thành phố Heidelberg là thành lập một đội khảo sát, họ sẽ tiến hành phỏng vấn qua điện thoại đối với các gia đình ngẫu nhiên trong thành phố, từ các kết quả đó sẽ góp phần vào việc xây dựng chỉ số. Về vấn đề chỉ số giá cho thuê, ông Heiko Maas nói rằng sẽ từng bước ban hành luật pháp, xây dựng tiêu chuẩn chi tiết về chỉ số giá nhà ở cho thuê. Đối với những khu vực không tính toán so sánh giá cho thuê chung trong khu vực mình, người thuê nhà có quyền kiểm tra và thỏa thuận cho thuê hợp lý.

Để tránh việc Nghị định mà chính phủ ban hành thúc đẩy tích cực xây dựng mới nhà ở tại Đức, Nghị định còn quy định, sau ngày 1/10/2014, những dự án nhà ở xây mới hoặc đã được cải tạo quy mô lớn không nằm trong phạm vi giới hạn, cũng không cưỡng chế giới hạn đối với chủ nhà trong việc giảm tiền cho thuê khi cho thuê lại, thậm chí kể cả giá thuê gốc vượt quá 10% so với mức giá cho thuê trong khu vực.

Ngoài ra, đối với hoa hồng cho người trung gian trong thuê nhà được thực hiện theo nguyên tắc: người nào tìm trung gian thì người đó phải thanh toán tiền hoa hồng, thông thường sau khi nhà để trống, chưa có người thuê, chủ nhà phải thông qua trung gian để tìm người thuê mới, do đó, tiền hoa hồng cho trung gian sẽ do chủ nhà chi trả.

3. Ý kiến tranh luận

Chính phủ Đức dự tính, sau khi nghị định này có hiệu lực, có thể giảm xu hướng tăng giá cho thuê tại các đô thị lớn, dự kiến mỗi năm có từ 400 - 500 nghìn người được hưởng lợi. Đối với Đảng dân chủ xã hội mà nói, thúc đẩy Nghị định chính là cam kết những nội dung đã hứa trong cuộc bầu cử năm 2013. Đảng liên minh luôn tuân thủ quán triệt tránh quy định hạn chế đối với dự án nhà xây mới hoặc cải tạo, khuyến khích người dân Đức lựa chọn ngân hàng Deutsche Bank với lãi suất cho vay thấp để tạo cơ hội xây dựng nhà ở. Xuất phát từ việc thiếu nguồn cung nhà ở, một giải pháp hiệu quả nhất để xử lý việc thiếu nhà ở, ngăn chặn người dân do thấy giá thuê thấp hơn dự kiến mà không sẵn sàng trong việc xây dựng nhà ở mới.

Các hạng mục kiểm soát giá thuê nhà trong Nghị định luôn có một loạt các tranh cãi ở Đức. Ví dụ như về việc: quy định không công bằng, trái ngược với ý định kiểm soát ban đầu. Ngược lại, ngành công nghiệp bất động sản còn bị chỉ trích đã can thiệp vào thị trường cho thuê, phá vỡ những điều cấm kỵ, làm giảm kỳ vọng lợi nhuận cho thuê, xua đuổi nhà đầu tư, cản trở người dân xây dựng nhà ở mới, không giải quyết được tình trạng thiếu nhà ở trong khu vực, trên thực tế còn làm tăng giá cho thuê nhà. Cuối cùng người cho thuê nhà vẫn chọn những người thuê nhà có khả năng thanh toán mạnh nhất, về vấn đề này, phía Liên minh bảo vệ khách hàng cho rằng, cuối năm 2013, sau khi chính phủ tuyên bố kiểm soát giá thuê nhà, năm 2014, số lượng nhà xây mới không suy giảm, điều này cho thấy, nhà đầu tư không

quan tâm đến vấn đề đó.

Liên quan tới những ảnh hưởng mà sau khi Nghị định được ban hành, do Nghị định không cưỡng chế quy định đối với người cho thuê là phải giảm tiền cho thuê khi cho thuê lại, do vậy những khu vực thiếu nhà ở, sau khi thuê nhà trong một thời gian đáng kể, tính ra giá nhà vẫn cao. Ngoài ra, về sau những tranh chấp pháp lý liên quan tới việc thuê nhà ở Đức sẽ tăng lên, người cho thuê vẫn có thể thông qua hình thức chênh giá cao để đổ lên đầu người thuê nhà về số tiền hoa hồng cho phía trung gian, nếu người

thuê nhà không ngại kiện cáo, hoàn toàn có quyền hoàn trả hợp đồng đã ký kết, nhưng người cho thuê, ngoài việc phải hoàn lại tiền chênh lệch, không phải chịu hình phạt pháp lý, cho nên họ vẫn thực hiện việc làm này một cách công khai.

Chu Học Đông

Nguồn: <http://www.zgghw.org>

*(Trang web Quy hoạch Trung Quốc,
ngày 19/4/2015)*

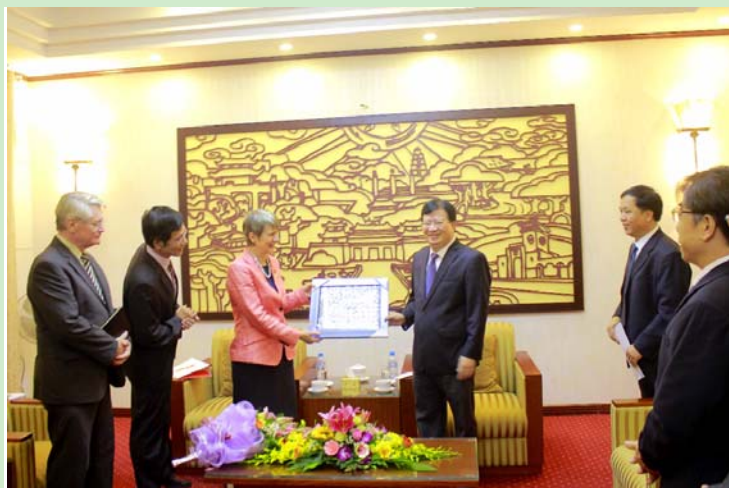
ND: Bích Ngọc

BỘ TRƯỞNG TRỊNH ĐÌNH DŨNG TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHO ĐẠI SỨ CHLB ĐỨC TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng cho Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - Bà Jutta Frasch



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tặng bức tranh kỷ niệm cho bà Đại sứ Jutta Frasch